

Số: ..68../DNC-TCKT

Đồng Nai, ngày 14 tháng 04 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước;  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai
- Mã chứng khoán: **DND**
- Sàn giao dịch: UPCOM
- Địa chỉ: số 138, KP1, Đ. Nguyễn Ái Quốc, P. Trảng Dài, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 02513 899 886 Fax: 02513 997 894
- Email: [tckt@vatlieudongnai.vn](mailto:tckt@vatlieudongnai.vn)
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Anh Dũng – Người đại diện pháp luật
- Loại thông tin công bố:  
 Định kỳ  Bất thường  24h  Theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai công bố thông tin:

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai (đính kèm Biên bản họp số 12/BB.DHĐCĐ-DNC ngày 14/04/2023).
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai (đính kèm Nghị quyết số 36/NQ.DHĐCĐ-DNC ngày 14/04/2023).
- Tài liệu họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai (đính kèm bộ tài liệu sau họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai vào ngày 14/04/2023, tại đường dẫn: <http://vatlieudongnai.vn/co-dong/dai-hoi-co-dong>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: TCKT, VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
  
Trần Anh Dũng

Số: 36/NQ.ĐHĐCĐ-DNC

Biên Hòa, ngày 14 tháng 4 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai;*

*Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai ngày 14/04/2023.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai đã biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với các nội dung chủ yếu như sau:

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022.

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH
1	Tổng doanh thu	Đồng	227.000.000.000	140.221.128.850	61,8%
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	12.300.000.000	(24.197.589.596)	
3	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	9.840.000.000	(24.197.589.596)	
4	Xây dựng cơ bản	Đồng	6.000.000.000	0	0%

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	Đồng	171.260.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	2.283.000.000
3	Nộp ngân sách	Đồng	30.300.000.000
4	Xây dựng cơ bản	Đồng	7.430.000.000

2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.

3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai năm 2022.

4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022.

(Đơn vị tính: đồng)

Stt	Nội dung	Tỷ lệ	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2022		(24.197.589.596)
2	Trích các quỹ		0
3	Kết chuyển lỗ		(24.197.589.596)
4	Lợi nhuận còn lại của các năm trước		10.814.094.443
5	Chia cổ tức	0%	0
6	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau		<b>(13.383.495.153)</b>

6. Thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023.

(Đơn vị tính: đồng)

Stt	Nội dung	Tỷ lệ	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2023		<b>2.283.000.000</b>
2	Lợi nhuận còn lại của các năm trước		(13.383.495.153)
3	Trích các quỹ		0
4	Chia cổ tức	0%	0
5	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau		<b>(11.100.495.153)</b>

7. Thông qua tiền lương, thưởng thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký Hội đồng Quản trị thực hiện năm 2022:

- Tổng tiền lương chuyên trách của Chủ tịch Hội đồng quản trị: 305.000.000 đồng.
- Tổng tiền lương chuyên trách của Trưởng Ban Kiểm soát từ tháng 01/2022 đến tháng 04/2022: 63.300.000 đồng.
- Tổng thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát không chuyên trách: 359.500.000 đồng.  
*Trong đó:* + Thù lao của thành viên HĐQT: 4.792.000 đồng/người/tháng.  
 + Thù lao Trưởng BKS từ T05/2022: 4.688.000 đồng/tháng.  
 + Thù lao của thành viên BKS: 3.833.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao của thư ký HĐQT: 4.000.000 đồng/tháng.

8. Thông qua mức tạm chi tiền lương, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị năm 2023:

- Tiền lương.  
 + Chủ tịch HĐQT (chuyên trách): 27.000.000 đồng/tháng.
- Thù lao.  
 + Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm): 5.000.000 đồng/người/tháng.  
 + Trưởng ban kiểm soát (kiêm nhiệm): 5.000.000 đồng/tháng.  
 + Thành viên BKS (kiêm nhiệm): 4.000.000 đồng/người/tháng.  
 + Thư ký HĐQT (kiêm nhiệm): 4.000.000 đồng/tháng.

Quỹ tiền lương và Quỹ thù lao thực hiện năm 2023 được quyết toán căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và thông tư 28/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016.

Khi Nhà nước có sự thay đổi về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, sẽ giao Hội đồng Quản trị thực hiện theo quy định và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông năm 2024.

9. Chấp thuận ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn một trong ba Công ty thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023:

- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.

10. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

11. Thông qua điều chỉnh dự án Mở đá xây dựng Thiện Tân 5 tại xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Chấp thuận ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung:

- Phê duyệt điều chỉnh Dự án trong quá trình thực hiện (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế, trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả đầu tư không thấp hơn các chỉ tiêu của dự án đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

- Phê duyệt/quyết định các bước tiếp theo để triển khai thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và các Quy chế của Công ty.

**Điều 2.** Giao Hội đồng quản trị Công ty căn cứ nội dung Nghị quyết này để triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 14/04/2023. Hội Đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các Cổ đông Công ty có trách nhiệm thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: Vt, Tk HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT



Trương Cường

Số: 12/BB.ĐHĐCĐ-DNC

Biên Hòa, ngày 14 tháng 4 năm 2023

**BIÊN BẢN  
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

**I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai

Trụ sở: 138, khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Mã số doanh nghiệp: 3600259352.

**II. THỜI GIAN ĐỊA ĐIỂM, THÀNH PHẦN THAM DỰ**

- Thời gian: vào lúc 08 giờ 30 ngày 14 tháng 4 năm 2023.

- Địa điểm: Hội trường Công ty, 138, khu phố 1, Đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Thành phần tham dự:

- + Hội đồng quản trị Công ty;
- + Ban Kiểm soát Công ty;
- + Ban Tổng Giám đốc Công ty;
- + Toàn thể các Cổ đông/đại diện Cổ đông tham dự Đại hội.

**III. ĐIỀU KIỆN TIỀN HÀNH CUỘC HỌP.**

Đại hội đã nghe bà Phạm Thái Hoài Hương – Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông đã báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

- Tổng số cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 14/03/2023 là 168 cổ đông, tương đương 8.834.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tại thời điểm khai mạc Đại hội số cổ đông tham dự họp là 17 cổ đông, tương đương 7.159.983 cổ phần, chiếm tỷ lệ **81,05%** số cổ phần có quyền biểu quyết.

Như vậy cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai có đủ điều kiện để tiến hành Đại hội theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan.

**IV. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CUỘC HỌP**

**1. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, ban thư ký và bầu ban kiểm phiếu**

**1.1. Đoàn Chủ tịch:**

Ban tổ chức giới thiệu đoàn chủ tịch gồm:

- Ông Trương Cường Chủ tịch Hội đồng quản trị - Chủ tọa;
- Ông Trần Anh Dũng Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty.



## 1.2. Ban Thư ký:

Chủ tọa đã cử ban thư ký buổi họp gồm:

- Bà Hoàng Thị Liên;
- Bà Phạm Thị Thùy Trang.

## 1.3. Bầu Ban Kiểm phiếu:

Sau khi nghe giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến của Ban kiểm phiếu, 100% cổ đông đã biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, ban kiểm phiếu gồm:

- Bà Nguyễn Tú Loan                      Trưởng Ban;
- Ông Bùi Ngọc Kỳ                        Thành viên;
- Bà Vũ Thị Vân                            Thành viên.

## 2. Thông qua Quy chế làm việc và chương trình của Đại hội.

Sau khi nghe Đoàn chủ tịch trình bày về Quy chế làm việc và Chương trình Đại hội, 100% cổ đông đã biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

## 3. Các Báo cáo và tờ trình của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Chủ tọa Đại hội đã phân công các thành viên tham gia điều hành Đại hội trình bày các nội dung Báo cáo và Tờ trình của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty trước Đại hội gồm:

- Báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.
- Báo cáo về hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.
- Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.
- Báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai năm 2022.
- Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022
- Tờ trình về Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023
- Tờ trình Tiền lương, Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị thực hiện năm 2022.
- Tờ trình kế hoạch tiền lương, Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị năm 2023.
- Tờ trình về việc Lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.
- Tờ trình điều chỉnh Dự án Mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5 tại xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- Tờ trình về sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty.

## 4. Đại hội tiến hành thảo luận về nội dung các báo cáo, tờ trình tại buổi họp.

Sau khi xem xét các nội dung về báo cáo và tờ trình tại Đại hội các cổ đông không có ý kiến thảo luận.

## 5. Báo cáo bổ sung cổ đông tham dự Đại Hội.

Bà Phạm Thái Hoài Hương – Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông đã báo cáo bổ sung cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

Sau khi Đại hội chính thức khai mạc, tính đến 10h14' ngày 14/04/2023, tổng số cổ đông tham dự họp là 18 cổ đông, tương đương 7.257.883 cổ phần, chiếm tỷ lệ 82,16% số cổ phần có quyền biểu quyết.

## 6. Biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội

- Ban Kiểm phiếu hướng dẫn cách thức biểu quyết, Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình đã tại cuộc họp bằng phiếu biểu quyết.

- Ban kiểm phiếu tiến hành công tác kiểm phiếu biểu quyết.

## 7. Ban Kiểm phiếu thông qua kết quả kiểm phiếu

- Số phiếu phát ra: 18 phiếu, với 7.257.883 cổ phần.
- Số phiếu thu về: 18 phiếu, với 7.257.883 cổ phần.
- Số phiếu hợp lệ: 18 phiếu, với 7.257.883 cổ phần.
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, Với 7.257.883 cổ phần.

Kết quả biểu quyết: (Biên bản kiểm phiếu kèm theo).

Stt	Nội dung biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến	
			Số CP	%	Số CP	%	Số CP	%
1	Báo cáo kết quả SXKD năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023	7.257.883	7.257.883	100%	0	-	0	-
2	Báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023	7.257.883	7.257.883	100%	0	-	0	-
3	Báo cáo về kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai năm 2022	7.257.883	7.257.883	100%	0	-	0	-
4	Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán	7.257.883	7.257.883	100%	0	-	0	-
5	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022	7.257.883	7.257.883	100%	0	-	0	-
6	Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023	7.257.883	7.257.883	100%	0	-	0	-
7	Tiền lương, Thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký HĐQT thực hiện năm 2022.	7.257.883	7.257.883	100%	0	-	0	-
8	Kế hoạch tiền lương, Thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2023	7.257.883	7.257.883	100%	0	-	0	-
9	Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023	7.257.883	7.257.883	100%	0	-	0	-
10	Điều chỉnh dự án Mô đá xây dựng Thiện Tân 5 tại xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.	7.257.883	7.257.883	100%	0	-	0	-
11	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty	7.257.883	7.257.883	100%	0	-	0	-

**Kết luận:** Với kết quả biểu quyết trên, tất cả các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 nhất trí thông qua.

**8. Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết của Đại hội.**

Đại diện ban thư ký đọc dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Chủ tọa hướng dẫn và thực hiện lấy ý kiến biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết, 100% cổ đông đã biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

Buổi họp kết thúc vào lúc 10 giờ 50 phút cùng ngày.

**BAN THƯ KÝ**



**Phạm T Thùy Trang**



**Hoàng Thị Liên**

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**Trương Cường**



TỔNG CÔNG TY SONADEZI  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI



**Tài liệu:**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

**Ngày 14 tháng 04 năm 2023**

Biên Hòa, ngày 14 tháng 04 năm 2023



## CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Ngày 14 tháng 4 năm 2023

	Nội dung
08g00 - 08g30	Đón tiếp đại biểu, cổ đông Đăng ký danh sách cổ đông dự họp, Phát tài liệu họp.
08g30 - 09g00	Ban tổ chức: Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự.
	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Chủ tọa, Ban Thư ký; Thông qua Ban Kiểm phiếu.
	Thông qua Quy chế Đại hội; Thông qua chương trình Đại hội.
09h00 - 10g05	<b>Thông qua các báo cáo và tờ trình:</b> - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023; - Báo cáo về hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023; - Báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022; - Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán; - Thông qua các tờ trình: + Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022; + Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023; + Tiền lương, thưởng, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị năm 2022; + Kế hoạch Tiền lương, thưởng, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị năm 2023; + Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán năm 2023; + Tờ trình điều chỉnh dự án mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5; + Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
10g05 - 10g20	Đại hội thảo luận.
10g20 - 10g30	Hướng dẫn cách thức biểu quyết. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung nêu trên.
10g30 - 11g00	Đại hội nghỉ giải lao – Kiểm phiếu biểu quyết
11g00 - 11g30	- Báo cáo kết quả kiểm phiếu
	- Thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông - Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
	Bế mạc Đại hội.

Đồng Nai, ngày 04 tháng 04 năm 2023

## QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

### CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Mục đích

Mục đích của việc ban hành quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 là:

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch;
2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội được thực hiện thành công và tuân thủ các quy định của pháp luật.

#### Điều 2. Phạm vi áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai.
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của cổ đông và các bên tham dự Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.
3. Cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

#### Điều 3. Yêu cầu chung

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc lịch sự.
2. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội quy định, tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
3. Không hút thuốc trong phòng đại hội.
4. Lúc diễn ra đại hội: Không nói chuyện riêng; Không nghe, gọi điện thoại trong phòng Đại hội; Tất cả các máy điện thoại di động không được để chế độ chuông.

### CHƯƠNG II ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI, THAM DỰ ĐẠI HỘI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

#### Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

#### Điều 5. Điều kiện tham dự và quy định về ủy quyền

1. Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty (gọi tắt là cổ đông).

2. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện của mình tham dự. Người được ủy quyền không được ủy quyền chuyển tiếp cho một người khác dự họp Đại hội cổ đông và không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện. Việc ủy quyền cho một người khác phải được lập bằng văn bản được quy định như sau:

- Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được đăng ký và ghi rõ họ tên của người ủy quyền và người được ủy quyền.

- Trường hợp cổ đông là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được người đại diện có đủ thẩm quyền của pháp nhân hoặc người được ủy quyền hợp lệ của tổ chức đó ký và đóng dấu (nếu tổ chức có con dấu).

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào Đại hội.

### **Điều 6. Thời gian tổ chức Đại hội**

Đại hội đồng cổ đông được tiến hành trong thời gian thông báo tại nội dung chương trình Đại hội.

### **Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông tham gia Đại hội**

#### 1. Điều kiện tham dự

Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông được quyền tham gia Đại hội cổ đông.

#### 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

##### a. Quyền của cổ đông

- Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

- Các cổ đông được nhận thông báo họp, chương trình họp và các thông tin liên quan đến các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội cổ đông.

- Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

- Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp.

- Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện của mình dự theo đúng điều lệ của Công ty.

- Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự Đại hội cổ đông sau khi nghe báo cáo các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng phiếu biểu quyết.

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

**b. Nghĩa vụ của cổ đông**

- Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội cổ đông phải mang theo giấy tờ tùy thân (CMND, CCCD, Hộ chiếu...), Thư mời và Giấy ủy quyền (nếu có). Cổ đông/ đại diện cổ đông xuất trình những giấy tờ trên với Ban kiểm tra tư cách cổ đông để kiểm tra tư cách cổ đông và nhận phiếu biểu quyết (ghi mã số cổ đông) có ghi tổng cổ phần bằng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông.

- Các cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp phải hoàn tất các thủ tục đăng ký tham dự đại hội với Ban tổ chức.

- Trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

- Các cổ đông phải giữ kỷ luật phát ngôn, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu.

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của Đại hội cổ đông. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi cuộc họp.

**Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch**

1. Đoàn chủ tịch được Hội đồng quản trị Công ty đề cử. Đoàn chủ tịch có 02 người, Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người chủ trì cuộc họp Đại hội cổ đông (Chủ tọa).

2. Nhiệm vụ của Đoàn chủ tịch

- Chủ trì Đại hội.

- Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận.

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng biểu quyết.

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

- Làm việc theo nguyên tắc tập thể tập trung dân chủ, tiến hành Đại hội cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.

- Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

+ Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

+ Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

+ Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

**Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký đại hội**

1. Ban thư ký Đại hội do chủ tọa giới thiệu, chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

## 2. Nhiệm vụ của Thư ký

- Ghi chép đầy đủ trung thực các nội dung của Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông/đại diện cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

- Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

## **Điều 10. Quyền nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết/ bầu cử của các cổ đông/ đại diện cổ đông;

- Tổ chức kiểm phiếu biểu quyết / phiếu bầu cử;

- Lập biên bản kiểm phiếu biểu quyết/ bầu cử và công bố trước Đại hội kết quả biểu quyết/ bầu cử;

- Giao lại phiếu biểu quyết / phiếu bầu cử và biên bản kiểm phiếu cho Chủ tịch đoàn.

3. Ban Bầu cử - Kiểm phiếu phải làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả biểu quyết, bầu cử.

## **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Ban Tổ chức Đại hội, Ban kiểm tra tư cách đại biểu**

1. Ban tổ chức và Ban kiểm tra tư cách đại biểu do Hội đồng quản trị Công ty đề cử.

2. Ban tổ chức Đại hội tiếp nhận giấy tờ cổ đông đến họp, phát các tài liệu và Phiếu biểu quyết, thực hiện các công tác tổ chức khác.

3. Ban kiểm tra tư cách đại biểu kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông tham dự Đại hội.

## **CHƯƠNG III**

### **BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI**

## **Điều 12. Các nội dung thông qua bằng biểu quyết tại Đại hội**

1. Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc của Đại hội;

2. Báo cáo kết quả SXKD năm 2022; Kế hoạch SXKD năm 2023;

3. Báo cáo về hoạt động của HĐQT năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023;

4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022;

5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán;

6. Thông qua các tờ trình: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022; Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023; Tiền lương, Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022; kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023; Lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2023.

7. Thông qua điều chỉnh dự án mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5;

8. Thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty ;

9. Biên bản, Nghị quyết Đại hội.

10. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 13. Hình thức biểu quyết**

1. Khi tổ chức Đại hội, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông có quyền biểu quyết 01 phiếu biểu quyết. Trên phiếu biểu quyết có ghi tên của cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó.

2. Cổ đông biểu quyết các vấn đề bằng thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết thông qua

- Biểu quyết trực tiếp tại nơi diễn ra Đại hội.

- Gửi phiếu biểu quyết qua đường bưu điện/email, ... về Công ty trước 08 giờ 30 ngày 14/4/2023. Phiếu biểu quyết Quý cổ đông không tham dự Đại hội có thể tải từ website của Công ty: [www.vatlieudongnai.vn](http://www.vatlieudongnai.vn) (mục cổ đông/ Đại hội cổ đông/2023). Phiếu phải được cổ đông ghi đầy đủ thông tin và ký xác nhận.

3. Cổ đông sẽ thực hiện biểu quyết bằng cách đánh dấu (x) hoặc (✓) vào phương án trả lời trên phiếu biểu quyết. Đối với mỗi vấn đề thông qua biểu quyết, cổ đông đánh dấu (x) hoặc (✓) vào cột tương ứng (Tán thành, không tán thành, không có ý kiến).

4. Những vấn đề biểu quyết, cổ đông không đánh dấu vào các ô tương ứng của nội dung biểu quyết thì được xem là “không có ý kiến” cho nội dung đó; Những nội dung biểu quyết, cổ đông đánh dấu cả cột “Tán thành” và cột “Không tán thành” thì nội dung đó là không hợp lệ.

5. Các trường hợp khác về kết quả biểu quyết sẽ do Chủ tọa xem xét quyết định.

### **Điều 14. Thông qua bằng biểu quyết tại Đại hội**

1. Các nội dung biểu quyết thông qua tại Đại hội được coi là thông qua bằng biểu quyết khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

2. Riêng các vấn đề sau được coi là thông qua bằng biểu quyết nếu ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

## **CHƯƠNG IV PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI**

### **Điều 15. Nguyên tắc và hình thức phát biểu ý kiến**

1. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong Chương trình Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký và được sự đồng ý của Đoàn Chủ tịch.

3. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Những vấn đề lớn cần phải có thời gian xem xét, kiểm tra hoặc thời gian Đại hội không cho phép, Chủ tọa sẽ ghi nhận và trả lời bằng văn bản sau.

4. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 5 phút. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Ban Thư ký Đại hội phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

## **CHƯƠNG V KẾT THÚC ĐẠI HỘI**

### **Điều 16. Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội**

1. Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Ban thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp. Các vấn đề chính thông qua phải được ghi vào Nghị quyết.

2. Nghị quyết Đại hội phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội cổ đông, toàn văn Nghị quyết và tài liệu có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai.

## **CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

### **Điều 17. Trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông không thành**

1. Trường hợp đại hội cổ đông triệu tập lần thứ nhất không được tiến hành do không đủ điều kiện tiến hành quy định tại điều 4 quy chế này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

### **Điều 18. Điều khoản thi hành**

Ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai thông qua, Ban tổ chức, toàn thể cổ động tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

#### **Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ thường niên 2023;
- Lưu: Vt.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Trương Cường**



Số: 57/BC-DNC

Biên Hòa, ngày 04 tháng 04 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**Kết quả SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

**I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2022**

Kinh tế – xã hội nước ta năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, mưa bão, hạn hán... đã làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu.

Với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, tạo đà hoàn thành các mục tiêu kinh tế – xã hội năm 2022, nền kinh tế nước ta phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo. Môi trường đầu tư kinh doanh cải thiện góp phần tích cực cho phục hồi và phát triển kinh tế – xã hội. Một số ngành đã có mức tăng trưởng cao hơn năm trước khi có dịch Covid-19.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác khoáng sản. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cũng nhận thức được những khó khăn và thách thức của nền kinh tế hiện nay nói chung và thị trường xây dựng, kinh doanh bất động sản nói riêng. Ngoài ra, trong hoạt động khai thác khoáng sản cũng có những khó khăn đặc biệt là sự chồng chéo các quy định về luật đất đai, luật khoáng sản. Trong năm 2022, Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã nỗ lực và đưa ra nhiều giải pháp để hoàn thành kế hoạch SXKD, tuy nhiên trước những khó khăn của thị trường tiêu thụ sản phẩm VLXD còn phát sinh một số nguyên nhân khách quan nên Công ty không hoàn thành kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận.

**1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD năm 2022.**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH
1	Doanh thu và thu nhập	đồng	227.000.000.000	140.221.128.850	61,8%
	<i>Trong đó: DT nội bộ</i>	đồng		<i>284.523.030</i>	
2	Lợi nhuận trước thuế	đồng	12.300.000.000	(24.197.589.596)	-197%
3	Lợi nhuận sau thuế	đồng	9.840.000.000	(24.197.589.596)	-246%
4	Nộp ngân sách NN	đồng	27.300.000.000	69.546.498.683	254,7%
5	Xây dựng cơ bản	đồng	6.000.000.000	-	0%

Công ty không hoàn thành kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận. Doanh thu đạt 61,8% Lợi nhuận -24.198 triệu đồng do sản lượng sản xuất và tiêu thụ thấp và phát sinh các khoản chi phí phải nộp bổ sung ngoài kế hoạch.

**Chi tiết kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các lĩnh vực:**

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH Năm 2022	THỰC HIỆN Năm 2022	TH/KH Năm
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực khai thác khoáng sản</b>				
<b>1</b>	<b>XN Đá Tân Cang 5</b>				
	Sản lượng (TT)	Tấn	1.050.000	229.745	22%
	Doanh thu	Đồng	79.400.000.000	24.791.813.904	31%
	Lãi gộp	Đồng	19.200.000.000	2.313.791.514	12%
<b>2</b>	<b>XN Đá Thiện Tân 5</b>				
	Sản lượng đá (TT)	Tấn	350.000	200.919	57%
	Sản lượng đất (TT)	M3	70.000	-	0%
	Doanh thu	Đồng	26.300.000.000	14.115.874.080	54%
	Lãi gộp	Đồng	2.100.000.000	926.418.700	44%
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực sản xuất vật liệu</b>				
<b>1</b>	<b>XN Bê tông</b>				
	Sản lượng (TT)	M3	90.000	64.475	72%
	Doanh thu	Đồng	93.600.000.000	72.860.707.324	78%
	Lãi gộp	Đồng	1.000.000.000	1.395.225.177	140%
<b>2</b>	<b>NM Gạch Tuynel</b>				
	Sản lượng (TT)	Viên	22.000.000	22.936.229	104%
	Doanh thu	Đồng	18.300.000.000	22.353.613.070	122%
	Lãi gộp	Đồng	200.000.000	4.050.069.082	2025%
<b>3</b>	<b>NM VL Mới ĐN</b>				
	Sản lượng (TT)	Viên	4.000.000	-	0%
	Doanh thu	Đồng	3.300.000.000	-	0%
<b>III</b>	<b>Các Lĩnh vực khác</b>	Đồng			
1	DT vận chuyển, bơm BT	Đồng	6.100.000.000	4.653.766.592	76%
2	Thu nhập khác + HĐTC	Đồng	-	1.445.353.880	
	Cộng doanh thu	Đồng	6.100.000.000	6.099.120.472	100%
	Lãi gộp	Đồng	600.000.000	1.383.712.250	231%
	<b>Tổng Doanh thu</b>	Đồng	<b>227.000.000.000</b>	<b>140.221.128.850</b>	62%
	<b>Tổng Lãi gộp</b>	Đồng	<b>23.100.000.000</b>	<b>10.069.216.723</b>	44%
	CP QLDN	Đồng	10.000.000.000	8.728.998.978	87%
	Trích dự phòng	Đồng	800.000.000	1.092.092.598	137%
	CP phát sinh bổ sung	Đồng	-	24.445.714.743	
	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Đồng	<b>12.300.000.000</b>	<b>- 24.197.589.596</b>	-197%

Các khoản chi phí phát sinh bổ sung ngoài kế hoạch ghi nhận trong năm 2022:

- Thuế TN phí MT đối với khoáng sản đi kèm PS năm 2013-2020: 12.746.263.040 đồng.

(Kê khai theo biên bản của kiểm toán nhà nước năm 2022)

- Tiền thuê đất bổ sung năm 2016-2022: 6.549.890.685 đồng.

(Ký lại phụ lục HĐ thuê đất do hết hạn đơn giá thuê đất)

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung : 5.149.561.018 đồng.

(UBND Tỉnh tính lại tiền cấp quyền KTKS của mỏ Tân Cang 5 và Thiện Tân 5, do đó ghi nhận bổ sung chi phí tiền cấp quyền KTKS cho trữ lượng đá đã khai thác đến năm 2021 là 5.300.376.888 đồng và điều chỉnh giảm chi phí phát sinh trong năm 2022 là 150.815.870 đồng).

**Tổng cộng:**

**24.445.714.743 đồng.**

### ***Đánh giá những khó khăn trong quá trình thực hiện:***

#### **❖ Lĩnh vực khai thác khoáng sản:**

- Doanh thu: **38.907.687.984 đồng**; chiếm **28%** tổng doanh thu toàn Công ty.
- Lợi nhuận gộp: **3.240.210.214 đồng**; chiếm **32%** tổng lợi nhuận gộp toàn Công ty.

#### **➤ XN Đá Tân Cang 5**

- Do chưa đền bù được phần diện tích liền kề nên chưa mở rộng được moong khai thác. Moong 2 đã hết trữ lượng khai thác, Moong 1 diện tích khai thác hẹp, đã khai thác đến độ sâu cấp phép cote -60m nên trữ lượng đá còn lại ít, chủ yếu là sản xuất tận thu do đó sản phẩm không đạt yêu cầu về màu sắc và chất lượng nên sản lượng tiêu thụ thấp, giá bán giảm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

- Về công tác đền bù: Trong tháng 10/2022 Công ty đã thực hiện đền bù mở rộng moong 2 với diện tích 2.543m<sup>2</sup>. Hiện nay Công ty đang triển khai công tác bóc phủ và dự kiến khai thác vào Quý I năm 2023.

- Về hồ sơ pháp lý: Công ty đang lập hồ sơ xin điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư để hoàn thiện các thủ tục về đất đai tại mỏ và thủ tục xin cấp phép khai thác cote – 80.

#### **➤ XN Đá Thiện Tân 5**

- Giấy phép khai thác giai đoạn 2 số 343/GP-UDND đã được cấp phép khai thác ngày 31/12/2021 tuy nhiên trong năm chưa được triển khai khai thác do chưa hoàn tất các thủ tục về điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư, hoàn tất công tác chuyển nhượng đất sang tên Công ty và các thủ tục đất đai theo quy định. Do đó trong năm 2022 sản lượng sản xuất và tiêu thụ là trữ lượng khai thác còn lại của giai đoạn 1 trên diện tích 4,95 ha. Sản lượng sản xuất thấp, giá bán không tăng nên không hoàn thành kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận.

- Trong tháng 11/2022 Công ty đang triển khai công tác bóc phủ theo giấy phép khai thác giai đoạn 2 trên một phần diện tích đã hoàn thành công tác đền bù và dự kiến khai thác vào Quý I năm 2023.

- Hồ sơ pháp lý: Đã lập bản vẽ thiết kế thi công giai đoạn 2 của dự án và được Sở Xây dựng thẩm định tại thông báo số 3583/SXD-QLCLXD ban hành ngày 27/10/2022; Hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường đang được thực hiện theo Luật bảo vệ Môi trường năm 2020; Thực hiện ký các hợp đồng chuyển nhượng đối với diện tích Công ty đã đền bù để hoàn thiện các thủ tục thuê đất.

#### **❖ Lĩnh vực sản xuất vật liệu**

- Doanh thu: **95.214.320.937 đồng**; chiếm **68%** tổng doanh thu toàn Công ty.
- Lợi nhuận gộp: **5.445.294.259 đồng**; chiếm **54%** tổng lợi nhuận gộp toàn Công ty.

#### **➤ Xí Nghiệp Bê Tông**

Công tác tiêu thụ sản phẩm khó khăn do thị trường khu vực bị thu hẹp, các khu công nghiệp lân cận cơ bản đã lấp đầy, cùng với đó là việc cạnh tranh với các đơn vị trong ngành nghề ngày một gay gắt về giá cả và cung cách phục vụ, sản lượng tiêu thụ trong năm thấp. Lợi nhuận thấp, nợ phải thu khó đòi tăng.

### ➤ Nhà Máy Gạch Tuynel Long Thành

- Máy móc thiết bị cũ, lạc hậu, công suất thấp, không đồng bộ nên thường xuyên hư hỏng phải ngừng sản xuất, chi phí sửa chữa tăng làm ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.

- Trong 9 tháng đầu năm 2022 các công trình xây dựng tăng do đó tiêu thụ được số lượng lớn cho các công trình tại khu vực Hồ Tràm và dự án Aqua city Đồng Nai nên tiêu thụ hết sản lượng gạch tồn kho và gạch sản xuất trong kỳ, giá bán tăng cao lợi nhuận tăng. Tuy nhiên trong quý 4/2022 các công trình của tập đoàn Novaland bị tạm ngưng ảnh hưởng rất lớn đến việc tiêu thụ sản phẩm gạch.

- Trong năm, ký lại phụ lục hợp đồng thuê đất do hết hạn đơn giá thuê đất làm cho chi phí thuê đất tăng cao ảnh hưởng đến giá thành gạch tuynel.

### 2. Vốn đầu tư bên ngoài

- Tổng giá trị vốn đầu tư cuối năm 2022 là: 2.050.600.000 đồng. Trong đó:
  - Công ty CP Dịch vụ Sonadezi (SDV): 1.000.000.000 đồng
  - Công ty CP Sonadezi Long Bình (SZB): 1.050.600.000 đồng
- Thu lãi, cổ tức trong năm : 355.443.687 đồng.

### 3. Đầu tư xây dựng cơ bản

Chưa triển khai thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch năm 2022.

#### ➤ Dự án Nhà máy Vật liệu Mới

- Nhà máy đã đưa vào vận hành chạy thử nhưng năng suất chỉ đạt 40% so với thiết kế. Do đó không thể đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm, bộ phận bán hàng cũng thực hiện tiêu thụ số lượng gạch đã sản xuất trong quá trình chạy thử. Tuy nhiên Sản phẩm Gạch không nung hiện nay sức tiêu thụ chậm, do khách hàng chủ yếu là các công trình có vốn đầu tư của NSNN, đa phần các công trình đều lựa chọn gạch nung.

- Ngoài ra, qua khảo sát thực tế khách hàng thì đa phần khách hàng có nhu cầu mua Gạch không nung chủ yếu để xây tường rào hay các công trình phụ, trong xây dựng nhà và các công trình chính kiên cố, vẫn sử dụng gạch đất nung là chính, một phần do thói quen, tập quán của người Việt Nam, một phần bởi gạch nung chất lượng luôn đồng đều, tiện lợi trong lúc xây công trình, hơn hẳn gạch không nung. Do đó Công ty đang tạm ngưng hoạt động chạy thử để rà soát lại dự án.

#### ➤ Dự án khai thác mỏ Tân Cang 5 và Thiện Tân 5:

Do sự chông chéo về quy định của luật đất đai và luật khoáng sản nên trong năm 2022 Công ty chưa hoàn thiện các hồ sơ pháp lý liên quan đến mỏ Tân Cang 5 và Thiện Tân 5; Chưa hoàn thành hồ sơ xin cấp phép khai thác cote – 80m tại mỏ Tân Cang 5.

## II. KẾ HOẠCH NĂM 2023.

### 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023.

TT	Đơn vị/Lĩnh vực	ĐVT	Sản lượng	Doanh thu (đồng)	Lãi gộp (đồng)	Tổng cộng (đồng)
1	XN Đá Tân Cang 5	tấn	430.000	38.220.000.000	6.500.000.000	
	Đá thành phẩm	tấn	180.000			
	Đá xô bỏ sau nổ mìn	tấn	250.000			
2	XN Đá Thiện Tân 5			27.920.000.000	5.000.000.000	
	Đá xô bỏ sau nổ mìn	tấn	420.000	21.420.000.000		
	Đất sét	m3	100.000	6.500.000.000		
3	CN XN Bê tông ĐN	m3	70.000	78.400.000.000	1.650.000.000	
4	NM Gạch Tuynel LT	viên	22.800.000	22.800.000.000	800.000.000	
5	Lĩnh vực khác			3.920.000.000	504.000.000	
<b>Cộng</b>				<b>171.260.000.000</b>	<b>14.454.000.000</b>	
Chi phí quản lý						11.000.000.000
Trích dự phòng nợ khó đòi						600.000.000
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>						<b>2.854.000.000</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>						<b>2.283.000.000</b>

## 2. Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng các dự án năm 2023

STT	Danh mục tài sản đầu tư	Đơn vị tính	KẾ HOẠCH năm 2023	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng</b>	<b>Đồng</b>	<b>2.500.000.000</b>	
1	Xí nghiệp đá Tân Cang 5	Đồng	1.500.000.000	
2	Xí nghiệp đá Thiện Tân 5	Đồng	1.000.000.000	
<b>B</b>	<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>Đồng</b>	<b>4.930.000.000</b>	
1	<b>Xí nghiệp Tân Cang 5</b>	<b>Đồng</b>	<b>2.215.000.000</b>	
	Hệ thống xịt rửa xe tự động khi ra khỏi mỏ	Đồng	715.000.000	
	Chi phí thủ tục lập giấy phép cote -80 + điều chỉnh giấy phép khai thác	Đồng	1.500.000.000	
2	<b>Xí nghiệp Thiện Tân 5</b>	<b>Đồng</b>	<b>1.715.000.000</b>	
	Hệ thống xịt rửa xe tự động khi ra khỏi mỏ	Đồng	715.000.000	
	Chi phí hoàn thiện các thủ tục pháp lý mỏ (giai đoạn 2)	Đồng	1.000.000.000	
3	<b>Công ty</b>	<b>Đồng</b>	<b>1.000.000.000</b>	
	Dự án đầu tư khác	Đồng	1.000.000.000	
<b>Tổng Cộng</b>			<b>7.430.000.000</b>	

## 3. Một số biện pháp thực hiện.

### ❖ Lĩnh vực khai thác khoáng sản

#### ➤ XN Đá Tân Cang 5

- Hoàn thiện các hồ sơ pháp lý của mỏ và triển khai mở rộng khai thác đối với khu vực moong 2.

- Liên hệ với các cơ quan chức năng hoàn thiện các hồ sơ theo yêu cầu (nếu có) để sớm được cấp phép khai thác cote -80.

- Tiếp tục triển khai phương án tự thỏa thuận đền bù với các hộ dân để mở rộng diện tích khai thác.

➤ **XN Đá Thiện Tân 5**

- Tiếp tục thực hiện các công tác liên quan đến hồ sơ đất đai theo quy định. Chú trọng hoàn tất hồ sơ chuyển nhượng sang tên tại mỏ; Mở rộng moong khai thác.
- Tập trung hoàn thiện hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường của dự án.

❖ **Lĩnh vực sản xuất vật liệu**

- Rà soát lại các chi phí cố định, đàm phán với đơn vị cung cấp vật tư/tìm nguồn cung cấp nguyên vật liệu mới để có giá cung cấp hợp lý nhằm giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh về giá.
- Duy trì đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định, gia tăng chất lượng dịch vụ.
- Lập các phương án kinh doanh sử dụng hiệu quả công suất máy móc thiết bị của xí nghiệp bê tông.
- Xem xét, lựa chọn các giải pháp để dự án Nhà máy Vật liệu Mới hoạt động có hiệu quả.

❖ **Lĩnh vực khác**

- Triển khai các biện pháp huy động vốn đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh và dự án đầu tư.
- Lập các phương án kinh doanh sử dụng hiệu quả mặt bằng tại văn phòng Công ty, Nhà máy gạch tuynel Long Thành.

Trên đây là báo cáo Tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2022; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: Vt.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH

Trương Cường

**BÁO CÁO**  
**Về hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2022**  
**Và kế hoạch hoạt động năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Hội đồng Quản trị Công ty, xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 như sau:

**I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022.**

**1. Thành viên Hội đồng quản trị năm 2022**

- |                         |                     |
|-------------------------|---------------------|
| 1. Ông Trương Cường     | Chức vụ: Chủ tịch   |
| 2. Ông Trần Anh Dũng    | Chức vụ: Thành viên |
| 3. Ông Nguyễn Tiến Toán | Chức vụ: Thành viên |
| 4. Ông Trần Anh Điền    | Chức vụ: Thành viên |
| 5. Ông Vũ Trọng Dũng    | Chức vụ: Thành viên |

Hội đồng quản trị có 05 thành viên, trong đó 03 thành viên giữ chức vụ trong Ban điều hành và 02 thành viên là thành viên không điều hành.

**2. Tổng kết các cuộc họp và quyết định của Hội đồng Quản trị**

Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 5 cuộc họp đúng theo quy định với sự tham gia đầy đủ của 5/5 thành viên HĐQT, đồng thời có 13 phiếu xin ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền, qua đó đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để lãnh đạo, quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với các nội dung sau:

✧ **Ban hành quy chế.**

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

✧ **Về hoạt động sản xuất kinh doanh.**

- Chỉ đạo ban điều hành báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và xây dựng Kế hoạch kinh doanh cho năm 2022;
- Thông qua báo cáo sản xuất kinh doanh các Quý và kế hoạch cho các Quý tiếp theo trong năm 2022;
- Duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022;
- Phê duyệt định mức sử dụng nguyên nhiên vật liệu, vật tư năm 2022; điều chỉnh định mức nhiên liệu xe bồn trộn bê tông;
- Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch quỹ tiền lương, tiền thưởng năm 2022;

- Thống nhất thoái vốn đầu tư tài chính tại Công ty CP Dịch vụ Sonadezi và Công ty CP Sonadezi Long Bình;

- Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty;

- Thông qua hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan.

❖ **Về hoạt động dự án.**

- Phê duyệt điều chỉnh Dự án Khai thác đá xây dựng mỏ đá Tân Cang 5;

- Phê duyệt điều chỉnh Dự án mỏ đá Xây dựng Thiện Tân 5;

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn Lập hồ sơ thuyết minh chung báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5;

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn Lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình mở lộ thiên dự án mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5;

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường thuộc dự án mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5;

- Giao ban điều hành thực hiện ký kết hợp đồng chuyển nhượng, sang tên GCNQSDĐ thuộc dự án mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5.

❖ **Công tác tổ chức, nhân sự:**

- Bổ nhiệm các chức danh: Tổng Giám đốc, Phụ trách kế toán Công ty, Phó Giám đốc Chi nhánh Xí nghiệp Bê tông Đồng Nai.

- Miễn nhiệm các chức danh: Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Phó Giám đốc Chi nhánh Xí nghiệp Bê tông Đồng Nai.

- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng Quản trị.

❖ **Công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và quan hệ cổ đông.**

- Triển khai thực hiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- Thực hiện lấy ý kiến Đại Hội đồng cổ đông bằng văn bản để thông qua điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm 2021 và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022.

- Thực hiện công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty theo Điều lệ Công ty và Pháp luật quy định.

**3. Lương, Thù lao của HĐQT năm 2022.**

Tiền lương, thù lao cho Hội đồng Quản trị được thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

❖ **Lương của thành viên chuyên trách.**

- Mức lương bình quân của Chủ tịch HĐQT là 25.416.667 đồng/tháng. Tổng tiền lương thực chi năm 2022 là: 305.000.000 đồng.

- Mức lương bình quân của Trưởng BKS chuyên trách từ Tháng 1 đến tháng 4/2022 là 15.825.000 đồng/tháng. Tổng tiền lương thực chi năm 2022 là: 63.300.000 đồng.



❖ **Thù lao của thành viên kiêm nhiệm.**

- Thành viên HĐQT: 4.792.000 đồng/người/tháng.
- Trưởng BKS kiêm nhiệm từ T05/2022: 4.688.000 đồng/ người/ tháng.
- Thành viên BKS: 3.833.000 đồng/người/tháng.
- Thư ký HĐQT: 4.000.000 đồng/tháng.

**4. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan.**

Stt	Tên tổ chức	Hợp đồng/ giao dịch	Mối liên hệ với Công ty
1	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đồng Nai	Hợp đồng mua bán Bê tông tươi và Gạch tuynel	Tổ chức có liên quan của Ông Trần Anh Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp số 1 Đồng Nai	Giao dịch mua bán bê tông trộn sẵn;	
3	Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Hợp đồng Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt	
4	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Giao dịch sử dụng nước sinh hoạt	Liên quan đến cổ đông lớn - Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
5	Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Giao dịch mua bán và vận chuyển bê tông trộn sẵn	Liên quan đến cổ đông lớn - Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp

**5. Về hoạt động của các thành viên HĐQT**

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo điều lệ của Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định của Pháp luật.

- Các thành viên HĐQT làm việc theo chế độ tập thể, có sự bàn bạc, trao đổi cụ thể, chi tiết các vấn đề qua đó đã đạt được sự thống nhất cao trong việc nghị quyết, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền.

**6. Công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc.**

- Tổng Giám đốc điều hành hoạt động của Công ty theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty, thường xuyên báo cáo, trao đổi với HĐQT Công ty để có những điều chỉnh kịp thời đảm bảo đạt được mục tiêu với hiệu quả cao nhất.

- Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao. Các quyết định của Tổng Giám đốc đều được ban hành đúng thẩm quyền và kịp thời. Tổng Giám đốc đã cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên Hội đồng quản trị đầy đủ, kịp thời, phục vụ tốt cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.

**7. Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022.**

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH
1	Tổng doanh thu	Đồng	227.000.000.000	140.221.128.850	61,8

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	12.300.000.000	(24.197.589.596)	
3	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	9.840.000.000	(24.197.589.596)	
4	Xây dựng cơ bản	Đồng	6.000.000.000	0	0

## II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023.

### 1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu: 171.260.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 2.283.000.000 đồng
- Đầu tư Xây dựng cơ bản: 7.430.000.000 đồng

### 2. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị.

#### 2.1. Thực hiện chức năng theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Thực hiện theo nhiệm vụ được quy định trong Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Giám sát Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Phối hợp chặt chẽ với ban kiểm soát, các tổ chức đoàn thể trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### 2.2. Ban hành văn bản và Quản lý điều hành.

Cập nhật các quy định, quy chế của Nhà nước và các cơ quan chức năng để sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị và các Quy chế của Công ty phù hợp với quy định hiện hành.

#### 2.3. Công tác tổ chức, nhân sự.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực; Thực hiện tốt công tác luân chuyển, quy hoạch, đánh giá, bố trí sử dụng nguồn nhân lực theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- Chú trọng trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực đội ngũ quản lý, điều hành.

#### 2.4. Công tác xây dựng, phát triển thương hiệu.

Chỉ đạo công tác quảng bá hình ảnh Công ty thông qua các hình thức hoạt động xã hội, công tác từ thiện, quảng bá trên các phương tiện truyền thông và mạng internet để xây dựng và phát triển thương hiệu, thúc đẩy kinh doanh, nâng cao giá trị Công ty.

#### 2.5. Lĩnh vực khai thác khoáng sản.

- Tập trung nguồn lực phát triển lĩnh vực khai thác khoáng sản.
- Đối với mỏ đá Tân Cang 5 chỉ đạo thực hiện nhanh các hồ sơ pháp lý và tiếp tục triển khai phương án tự thỏa thuận đền bù với các hộ dân để triển khai mở rộng khai thác.
- Đối với mỏ đá Thiện Tân 5 chỉ đạo thực hiện hoàn thiện hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường và các thủ tục chuyển nhượng sang tên đất tại dự án.

## 2.6. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh, tiết giảm chi phí hạ giá thành.

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc nghiên cứu, đề xuất phương án kinh doanh nhằm sử dụng hiệu quả công suất máy móc thiết bị của Xí nghiệp Bê Tông.

## 2.7. Quản lý và sử dụng vốn.

- Tập trung vốn cho lĩnh vực khai thác khoáng sản.

- Quản lý chặt chẽ về tài chính, kiểm soát dòng tiền, tăng khả năng quay vòng vốn. Tăng cường công tác thu hồi công nợ tại các đơn vị trực thuộc.

## 2.8. Công tác khác.

- Chỉ đạo Ban điều hành nghiên cứu, đề xuất phương án sử dụng hiệu quả các mặt bằng của Công ty.

- Phát huy sức mạnh của các tổ chức chính trị, các tổ chức đoàn thể, các ban ngành hữu quan và cổ đông Công ty để tạo nguồn lực cho hoạt động và sự phát triển bền vững của Công ty.

Trên đây là Kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện Hội đồng Quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc Công ty sẽ xây dựng các giải pháp kinh doanh phù hợp để duy trì sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định và phát triển.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Vt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH *Huu*



Trương Cường

## BÁO CÁO

### Về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai Năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;  
Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai;  
Căn cứ quy chế hoạt động của Ban kiểm soát,

Ban kiểm soát báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 tại Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai (Công ty) với nội dung sau đây:

#### A. THẨM ĐỊNH CÁC BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2023

- I. Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán:
  - Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam, Ban kiểm soát đã thẩm định và thống nhất Báo cáo tài chính năm 2022 đã phản ánh đầy đủ các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty.
- II. Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) và Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2022
  - Báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2022 đã phản ánh đầy đủ và hợp lý kết quả hoạt động SXKD, tiến độ các dự án và các hoạt động khác của Công ty trong năm 2022.
  - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 đã phản ánh đúng và đầy đủ hoạt động của HĐQT trong việc đề ra các chiến lược kinh doanh, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, giám sát hoạt động SXKD của Công ty, giám sát hoạt động đối với Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý điều hành Công ty theo đúng thẩm quyền của HĐQT.

#### B. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

- I. Giới hạn và phương pháp kiểm tra:
  - Ban kiểm soát xác định giới hạn như sau: Không tham gia chứng kiến kiểm kê tài sản, tiền mặt tồn quỹ, vật tư, hàng hoá, sản phẩm dở dang tại thời điểm 31/12/2022; không thực hiện xác minh, đối chiếu chứng từ và hóa đơn đầu vào đơn vị đã kê khai khấu trừ

và đã hạch toán trong năm 2022; không tổ chức đối chiếu, xác nhận tất cả các khoản nợ phải thu, nợ phải trả.

- Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu căn cứ số liệu trên Báo cáo tài chính, sổ kế toán, hóa đơn và chứng từ do đơn vị cung cấp tại thời điểm kiểm tra.

## II. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

1. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch sản xuất kinh doanh thể hiện qua một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

Đvt: 1.000.000đ

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Thực hiện 2021 (đã điều chỉnh sau KTNN)	TH/KH 2022	TH2022/TH2021
1	Tổng Doanh thu	227.000	140.221	164.308	61,81%	85,34%
	Trong đó: DT nội bộ	10.000	285	2.866	2,85%	9,94%
1.1	- DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	216.400	138.491	160.576	64,00%	86,25%
1.2	- DT hoạt động tài chính	600	924	535	82,43%	166,86%
1.3	- Thu nhập khác		521	331		
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	12.300	(24.198)	5.089	-	-
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.840	(24.198)	4.405	-	-
4	Các khoản phải nộp Ngân sách	27.300	69.546	29.801	254,75%	233,37%
5	Đầu tư XDCB	3.500	0	0	-	-
6	Chi phí bồi thường, GPMB	2.500	0	0	-	-

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty:

- Về doanh thu đạt 61,81% so với kế hoạch năm và bằng 85,34% cùng kỳ năm trước;
- Công ty bị lỗ, nguyên nhân chủ yếu là do hạch toán trong năm 2022 các khoản sau:
  - (i) Tiền thuê đất bổ sung của các năm trước: 3.120 trđ, và tiền thuê đất điều chỉnh tăng năm 2022: 3.429 trđ
  - (ii) Thuế tài nguyên và phí môi trường đất đá phong hóa của Mỏ đá Tân Cang 5 bổ sung các năm trước: 12.746 trđ
  - (iii) Phân bổ bổ sung tiền cấp quyền khai thác của Mỏ đá Tân Cang 5 và Thiện Tân 5 của các năm trước: 5.300 trđ

Tình hình thực hiện các đơn vị:

ĐVT: 1.000.000 đồng

Sản phẩm	ĐV SL	Kế hoạch 2022			Thực hiện 2022			Thực hiện/ kế hoạch		
		SL	DT	Lãi gộp	SL	DT	Lãi gộp	SL	DT	Lãi gộp
Mỏ Đá Tân Cang 5	Tấn	1.050.000	79.400	19.200	230.184,57	24.792	908	21,92%	31,22%	4,73%
Mỏ đá Thiện Tân 5			26.300	2.100	200.918,87	14.116	(1.290)		53,67%	-

Sản phẩm	ĐV SL	Kế hoạch 2022			Thực hiện 2022			Thực hiện/ kế hoạch		
		SL	DT	Lãi gộp	SL	DT	Lãi gộp	SL	DT	Lãi gộp
Đá	Tấn	350.000	22.800		200.918,87	14.116	(1.290)	57,41%	61,91%	-
Đất	m3	70.000	3.500		0	0	0	-	-	-
Bê tông	m3	90.000	93.600	1.000	64.535,10	72.861	2.600	71,71%	77,84%	260%
Gạch Tuynel	viên	22.000.000	18.300	200	22.936.229	22.354	3.743	104,26%	122,15%	1.871,5%
Gạch không nung	viên	4.000.000	3.300	-		-				
DV khác			6.100	600		4.653	709		76,28%	118,17%
<b>Cộng</b>			<b>227.000</b>	<b>23.100</b>		<b>138.776</b>	<b>6.670</b>		<b>61,13%</b>	<b>28,87%</b>

Sản phẩm	ĐV SL	Thực hiện 2021			Thực hiện 2022			TH2022/ TH2021		
		SL	DT	Lãi gộp	SL	DT	Lãi gộp	SL	DT	Lãi gộp
Mỏ đá Tân Cang 5	Tấn	879.877,32	65.472	18.403	230.184,57	24.792	908	26,16%	37,87%	4,93%
Mỏ đá Thiện Tân 5			16.352	(361)	200.918,87	14.116	(1.290)		86,33%	-
Đá	Tấn	261.611,22	16.222	(370)	200.918,87	14.116	(1.290)	76,80%	87,02%	-
Đất	m3	2.597,50	130	9	-	-	-	-	-	-
Bê tông	m3	60.760,9	63.723	401	64.535,10	72.861	2.600	106,21%	114,34%	648,38%
Gạch Tuynel	viên	17.563.098	14.134	1.738	22.936.229	22.354	3.743	130,59%	158,16%	215,36%
DV khác			3.761	532,2		4.653	709		123,72%	133,22%
<b>Cộng</b>			<b>163.442</b>	<b>20.713</b>		<b>138.776</b>	<b>6.670</b>		<b>84,91%</b>	<b>32,20%</b>

- **Xí nghiệp đá Tân Cang 5:** Sản lượng bán đá tại mỏ đá sụt giảm đáng kể: chỉ đạt 21,92% kế hoạch năm 2022 và đạt 26,16% so với cùng kỳ năm trước.

+ Moong 1: diện tích khai thác hẹp, hầu hết các vị trí khai thác đã đến giới hạn cấp phép nên không còn diện tích khai thác, hiện nay hoạt động khai thác chỉ là tận thu nên sản lượng thấp.

+ Moong 2: Đã dừng khai thác vào tháng 2/2022 do khai thác tới cote -60m đã hết trữ lượng khai thác; hồ sơ xin cấp phép khai thác cote - 80m đến nay vẫn chưa hoàn thành do vướng quy hoạch, công tác đền bù mở rộng khai thác moong 2 đến nay đã thực hiện đền bù thêm được khoảng 2.543m<sup>2</sup> và dự kiến đi vào khai thác từ năm 2023.

- **Xí nghiệp đá Thiện Tân 5:** Sản lượng bán đá tại mỏ đá sụt giảm: chỉ đạt 57,41% kế hoạch năm 2022, và chỉ đạt 76,8% so với cùng kỳ năm trước, do chất lượng đá kém, phải giảm giá bán và trữ lượng khai thác không đạt.

+ Công ty đang triển khai công tác bóc phủ Giai đoạn 2 theo giấy phép khai thác 343/GP-UBND và dự kiến khai thác vào năm 2023. Công ty đang hoàn tất thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư cho mỏ.

+ Công tác chuyển nhượng đất: Đã thực hiện ký hợp đồng chuyển nhượng được 3/12 hộ dân.

- **Chi nhánh Xí nghiệp Bê tông Đồng Nai:** Khối lượng bán bê tông chỉ đạt 71,71% kế hoạch năm 2022, nhưng cao hơn 6,21% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Công nợ quá hạn của Chi nhánh tăng cao, trong tổng nợ quá hạn của khách hàng là 6,3 tỷ thì số nợ khó đòi tại Chi nhánh Xí nghiệp bê tông chiếm tới 81% (5,1 tỷ/6.3 tỷ).

- **Nhà máy gạch Tuynel Long Thành:** máy móc thiết bị từ năm 2002, đến nay đã hết khấu hao. Tuy nhiên, do các máy móc thiết bị đã quá cũ và lỗi thời nên phát sinh chi phí sửa chữa cao và sản lượng sản xuất thấp chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường. Ngoài ra, việc điều chỉnh tăng tiền thuê đất của nhà nước làm tăng giá vốn của nhà máy lên.

Mặc dù vậy, trong năm 2022, Nhà máy đã đạt sản lượng và doanh thu bán hàng 104,26% và 122,15% kế hoạch năm 2022 và cao hơn 115,16% so với cùng kỳ năm ngoái.

- **Nhà máy vật liệu mới.**

Hệ thống máy đã hoạt động chạy thử sản phẩm, chuẩn bị cho việc nghiệm thu bàn giao. Tuy nhiên, do máy móc, thiết bị và công suất hoạt động chưa đạt theo hồ sơ thầu nên Công ty đang làm việc lại với nhà cung cấp thiết bị để hiệu chỉnh máy móc. Phần sản phẩm chạy thử được bán để bù vào giảm chi phí xây dựng cơ bản của dự án.

Với tình hình thực tế về nhu cầu sản phẩm gạch không nung hiện nay, ngày 30/6/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất tạm ngưng chạy thử để đánh giá lại hiệu quả dự án.

**2. Tình hình đầu tư, xây dựng và mua sắm tài sản:**

**2.1. Các khoản đầu tư dài hạn:**

Tại ngày 31/12/2022, Công ty đang đầu tư vào các doanh nghiệp như sau:

TT	Tên đơn vị	Giá trị vốn góp (đồng)	SL cổ phần	Cổ tức nhận trong năm 2022 (đồng)
01	Cty CP Dịch vụ Sonadezi	1.000.000.000	100.000	199.978.000
02	Cty CP Sonadezi Long Bình	1.050.600.000	42.024	155.465.687
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.050.600.000</b>		<b>355.443.687</b>

**2.2. Các dự án của công ty (chi tiết đính kèm)**

**2.3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Tại ngày 31/12/2022, chi phí xây dựng cơ bản dở dang là: 22.468.427.652 đồng.

Trong đó:

- Chi phí đầu tư mỏ đá Tân Cang 5: 11.794.149.821 đồng.
- Chi phí đầu tư mỏ đá Thiện Tân 5: 114.074.074 đồng.
- Nhà máy vật liệu mới Đồng Nai: 10.560.203.757 đồng.

**2.4. Tình hình tăng/ giảm tài sản cố định:**

Trong năm 2022, Công ty tiến hành thanh lý 5 xe ô tô đã hết khấu hao:

- Nguyên giá tài sản thanh lý: 2.157.053.999 đồng
- Đã khấu hao: 2.157.053.999 đồng
- Lãi sau thanh lý: 502.508.855 đồng

**3. Tình hình công nợ bán hàng:**

**3.1. Tổng số nợ phải thu của khách hàng đến 31/12/2022 là 26.815.904.046 đồng, chi tiết:**

	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 31/12/2022
- XN đá Tân Cang 5:	5.434.570.067	911.346.937
- XN đá Thiện Tân 5:	961.729.826	167.403.843
- XN Bê tông:	22.779.799.560	19.319.337.419
- NM gạch Tynel:	3.767.075.899	5.482.881.991
- Khác:	602.805.856	934.933.856

Trong đó, công nợ khó đòi:

	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 31/12/2022
- Tổng nợ khó đòi	5.419.310.639	6.657.617.802
- Dự phòng phải thu khó đòi	4.522.394.639	5.614.487.237
Tổng nợ khó đòi tại ngày 31/12/2022 tăng 22,85% so với đầu năm.		

### 3.2. Một số vấn đề tồn đọng của các năm trước chưa được giải quyết:

- Dự án Cụm công nghiệp Long Phước 1 – huyện Long Thành, Đồng Nai:

Dự án Cụm công nghiệp Long Phước 1 (CCN Long Phước 1) được UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận chủ trương và giới thiệu địa điểm theo Quyết định số 714/QĐ.CT.UBT ngày 10/3/2004; phê duyệt tỷ lệ chi tiết 1/1000 theo Quyết định số 5167/QĐ.CT.UBT ngày 22/10/2004 cho UBND huyện Long Thành và văn bản giới thiệu địa điểm số 8713/UBND-CNN ngày 14/02/2006.

Năm 2006, Dự án có 11 nhà đầu tư ký thỏa thuận góp vốn đầu tư hạ tầng với Công ty, trong đó chỉ có 3 nhà đầu tư đã ứng vốn với số tiền là 700 triệu đồng và nhà đầu tư không thực hiện tiến độ thanh toán như đã thỏa thuận.

Ngày 08/12/2011, Công ty đã có văn bản số 224/CV.DA.DNC xin giao lại dự án đầu tư CCN Long Phước 1 cho Tổng Công ty Sonadezi.

Ngày 29/12/2011, Tổng Công ty có văn bản số 1231/PTKCN-QTTH đồng ý về chủ trương cho Người đại diện phần vốn Tổng Công ty tại Công ty CP Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai không tiếp tục thực hiện dự án CCN Long Phước 1, đồng thời xử lý các vướng mắc còn tồn đọng với các nhà đầu tư đã ký thỏa thuận góp vốn với Công ty và bàn giao lại hồ sơ Dự án cho Công ty CP Sonadezi Long Thành tiếp tục thực hiện. Và Công ty đã bàn giao toàn bộ hồ sơ dự án cho Công ty CP Sonadezi Long Thành.

Tại ngày 31/12/2022, trên sổ sách kế toán vẫn đang còn ghi nhận và chưa xử lý khoản góp vốn của các nhà đầu tư là 700.000.000 đồng và chi phí chuẩn bị dự án là 720.212.631 đồng.

- Dự án DNC Building:

Dự án đã được thực hiện từ năm 2008 nhưng tạm ngưng đến nay do tình hình thị trường bất động sản chưa khởi sắc. Tại ngày 31/12/2022, chi phí kinh doanh dở dang của dự án được ghi nhận là 945.711.936 đồng.

## 4. Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022

### 4.1. Cơ cấu tổng tài sản, nguồn vốn đến ngày 31/12/2022

DVT: 1.000.000 đ

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	36.127	54.103
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>4.569</i>	<i>13.906</i>
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>24.694</i>	<i>31.899</i>
<i>Hàng tồn kho</i>	<i>5.355</i>	<i>7.760</i>
<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>1.509</i>	<i>538</i>
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	155.571	133.438



Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
<i>Các khoản phải thu dài hạn</i>	7.795	7.479
<i>Tài sản cố định</i>	18.447	23.405
<i>Tài sản dở dang dài hạn</i>	22.468	28.448
<i>Đầu tư tài chính dài hạn</i>	2.051	2.051
<i>Tài sản dài hạn khác</i>	104.810	72.055
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>191.698</b>	<b>187.541</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>98.536</b>	<b>68.766</b>
<i>Nợ ngắn hạn</i>	74.950	53.994
<i>Nợ dài hạn</i>	23.586	14.772
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>93.162</b>	<b>118.775</b>
<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	88.340	88.340
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	18.205	17.764
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	(13.383)	12.681
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>191.698</b>	<b>187.541</b>

- Tại ngày 31/12/2022, Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối âm 13.383 triệu đồng; Chỉ số thanh toán hiện hành = 0,482 < 1;
- Trong năm 2022, Công ty có lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh âm 24.400 triệu đồng.

#### 4.2. Tình hình thực hiện phân phối lợi nhuận:

Thực hiện theo Nghị quyết số 15/NQ.ĐHĐCĐ-DNC ngày 21/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã tiến hành phân phối Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN 2021		9.020.142.269
- Trích quỹ		1.866.771.339
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	5%	451.007.113
<i>Quỹ khen thưởng</i>	5%	451.007.113
<i>Quỹ phúc lợi</i>	3%	270.604.268
<i>Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty</i>		113.750.000
<i>Quỹ công tác xã hội, cộng đồng</i>	2%	180.402.845
<i>Quỹ thưởng các bên hữu quan</i>		400.000.000
- Còn lại		7.153.370.930

Công ty chưa thực hiện chia cổ tức 11% từ lợi nhuận còn lại cho cổ đông.

Ngày 29/11/2022, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm 2021 tại Nghị quyết số 27/NQ-ĐHĐCĐ-DNC (Theo Thông báo kết quả kiểm toán BCTC và các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII) như sau:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN 2021		4.405.281.628
- Trích quỹ		1.866.771.339
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	5%	451.007.113
<i>Quỹ khen thưởng</i>	5%	451.007.113
<i>Quỹ phúc lợi</i>	3%	270.604.268
<i>Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty</i>		113.750.000
<i>Quỹ công tác xã hội, cộng đồng</i>	2%	180.402.845
<i>Quỹ thưởng các bên hữu quan</i>		400.000.000
- Còn lại		2.538.510.289
- Lợi nhuận năm trước chuyển sang		8.275.584.154
- Chia cổ tức	0%	0
- Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau		10.814.094.443

Công ty đã thực hiện điều chỉnh sổ sách kế toán và công bố thông tin theo quy định đối với việc thay đổi này.

## 5. Các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

### 5.1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường

Theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai, Công ty phải nộp bổ sung tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2014 đến năm 2021 là: **32.879.823.711 đồng**, trong đó:

- Mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5 (Thông báo số 23/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 06/04/2022): **2.879.959.975 đồng**.
- Mỏ đá xây dựng Tân Cang 5 (Thông báo số 35/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 06/04/2022): **29.999.863.736 đồng**.

Thời hạn nộp tiền: 90 ngày kể từ ngày 06/04/2022.

Công ty đã có văn bản xin gia hạn nộp khoản tiền trên. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã thực hiện vay ngân hàng để nộp một phần tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2014 đến năm 2021 vào ngân sách cho Mỏ đá Tân Cang 5: 17,6 tỷ đồng (ngày 19/7/2022).

Bên cạnh đó, theo Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 của KTNN khu vực XIII, Công ty phải nộp bổ sung tiền thuế tài nguyên và phí môi trường năm 2020 và 2021 là: 5.366.117.024 đồng.

Theo đó, Công ty tự kê khai, xác định thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường đối với khoáng sản đi kèm (đất, đá phong hóa) phát sinh trong giai đoạn 2013 đến hết 2020 tại mỏ Tân Cang 5 là 12.746.263.040 đồng.

## 5.2. Tổng hợp các khoản phải nộp ngân sách phát sinh ngoài kế hoạch năm 2022

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Số phải nộp	Đã nộp	Còn lại
1	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp bổ sung năm 2014 đến 2021 của mỏ Tân Cang 5	29.999.863.736	17.600.000.000	12.399.863.736
2	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp bổ sung năm 2014 đến 2021 của mỏ Thiện Tân 5	2.879.959.975		2.879.959.975
3	Chi phí thuê đất bổ sung từ 2016-2021 của NM Gạch Tuynel Long Thành	2.048.892.825		2.048.892.825
4	Chi phí thuê đất bổ sung từ 2016-2021 của Văn phòng Công ty	1.022.591.460		1.022.591.460
5	Chi phí thuê đất bổ sung từ năm 2016-2021 của khu đất xã Tân An, Vĩnh Cửu	49.076.650		49.076.650
6	Chi phí thuê đất bổ sung năm 2022 do thay đổi đơn giá từ 31/8/2022 của NM gạch Tuynel LT	2.123.205.000		2.123.205.000
7	Chi phí thuê đất bổ sung năm 2022 do thay đổi đơn giá từ 31/8/2022 của Văn phòng Công ty.	1.247.489.800		1.247.489.800
8	Tiền thuế TN và phí MT nộp bổ sung năm 2020 và 2021.	5.366.117.024	5.366.117.024	0
9	Chi phí thuê đất bổ sung năm 2022 của khu đất xã Tân An, Vĩnh Cửu	58.634.950		58.634.950
10	Kê khai tiền thuế TN và phí MT đối với khoáng sản đi kèm phát sinh từ 2013 – 2020.	12.746.263.040		12.746.263.040
<b>Cộng</b>		<b>57.542.094.460</b>	<b>22.966.117.024</b>	<b>34.575.977.436</b>

### 6. Tình hình công bố thông tin:

Công ty đảm bảo việc công bố thông tin các Hồ sơ họp Đại hội đồng cổ đông năm 2022, Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành.

### 7. Tình hình cổ đông:

Tại ngày chốt quyền biểu quyết lấy ý kiến cổ đông ngày 14/11/2022, tổng số cổ đông của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai là 166 cổ đông, gồm:

- Cổ đông tổ chức: 04 cổ đông; sở hữu 7.804.077 cổ phần, chiếm 88,34% tổng số cổ phần.  
*Trong đó: Tổng Công ty Sonadezi nắm giữ 52,29% cổ phần của Công ty.*
- Cổ đông cá nhân: 162 cổ đông; sở hữu 1.029.923 cổ phần, chiếm 11,66% tổng số cổ phần.

## **C. ĐÁNH GIÁ VIỆC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

### **1. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên chuyên trách điều hành hoạt động của Công ty. HĐQT đã phân công công việc từng thành viên hợp lý, các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã thực hiện:

- Triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua trong năm.
- Thông qua kết quả SXKD năm 2021 và Kế hoạch năm 2022.
- Thống nhất chương trình và nội dung cho kỳ họp Đại Hội đồng cổ đông năm 2022.
- Quyết toán quỹ lương năm 2021 và phê duyệt kế hoạch tiền lương năm 2022.
- Thông qua kết quả SXKD hàng quý của năm 2022.
- Phê duyệt định mức sử dụng nguyên nhiên vật liệu 2022.
- Hợp đưa ra các giải pháp cho các dự án đang triển khai của Công ty.
- Quyết định giao dịch các bên liên quan và các quyết định khác liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty.
- Thông qua danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2022 giai đoạn 2020-2025 và 2025-2030.
- Thông qua việc tạm ngưng dự án để đánh giá lại hiệu quả dự án Nhà máy vật liệu mới để đánh giá lại hiệu quả dự án.
- Thông qua điều chỉnh dự án mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5.
- Thông qua điều chỉnh dự án khai thác đá xây dựng mỏ đá Tân Cang 5.
- Thông qua việc Thoái toàn bộ vốn đầu tư tài chính tại Công ty CP Dịch Vụ Sonadezi và Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình.
- Thông qua điều chỉnh kế hoạch quỹ tiền lương, tiền thưởng năm 2022.

### **2. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:**

- Ban Tổng giám đốc gồm 2 thành viên, Tổng giám đốc đã thực hiện phân công công việc thành viên trong Ban tổng giám đốc hợp lý, mỗi thành viên đều phát huy và nêu cao vai trò trách nhiệm của mình trong công việc.
- Căn cứ vào Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện chức năng và quyền hạn theo đúng quy định và Điều lệ Công ty.
- Mặc dù năm 2022, Công ty vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc trong công tác triển khai thực hiện các dự án; tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đã rất nỗ lực trong công tác điều hành, bám sát thực tế và linh hoạt trong cách xử lý công việc để từng bước tháo gỡ khó khăn, tồn đọng của Công ty.

### **3. Đánh giá công tác kế toán:**

- Công ty thực hiện chế độ lập, gửi báo cáo và chấp hành nghĩa vụ đối với Nhà nước đầy đủ, kịp thời.

- Sổ sách kế toán mở đầy đủ theo quy định.
- Hạch toán kế toán tương đối rõ ràng, sắp xếp lưu trữ chứng từ hợp lý, thuận tiện cho công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu.

**4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý khác:**

- Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp HĐQT, họp giao ban và các cuộc họp khác của Công ty, giúp cho công tác giám sát kịp thời và thuận tiện hơn.
- Ban kiểm soát đã cùng với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc phối hợp nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty trên cơ sở đó đã có những đề xuất, trao đổi, tham gia ý kiến nhằm mục đích đảm bảo các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của Cổ đông.
- Các cán bộ quản lý đã phối hợp cung cấp các tài liệu, hồ sơ giúp Ban kiểm soát hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát.

**5. Tình hình giao dịch giữa Công ty với tổ chức có liên quan của Công ty:**

- Giao dịch giữa Công ty với Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó Thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch đã được công bố đầy đủ tại Báo cáo quản trị Công ty năm 2022 trên trang thông tin điện tử của Công ty.
- Các giao dịch đã được báo cáo và được Hội đồng quản trị thông qua theo đúng thẩm quyền của Luật định, Điều lệ Công ty.
- Các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan phát sinh được Công ty trình bày cụ thể tại Báo cáo quản trị và Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán.

**D. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

- Ban kiểm soát năm 2022 gồm 03 thành viên:
  1. Bà Phan Thùy Đoan – Trưởng ban
  2. Bà Nguyễn Thị Liên – Thành viên
  3. Bà Lê Thị Yên – Thành viên
- Ban kiểm soát đã thực hiện theo đúng chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Nhiệm vụ của từng thành viên được thống nhất tại Biên bản họp Ban kiểm soát ngày 17/05/2022.
- Trong năm, Ban kiểm soát đã có 02 Biên bản họp để bầu Trưởng ban kiểm soát (ngày 21/4/2022) và phân công công việc (ngày 17/5/2022). Ngoài ra, Ban kiểm soát còn nhóm họp hàng quý để thống nhất kết quả kiểm tra, giám sát và kiến nghị đối với các hoạt động của Công ty.
- Lương và Thù lao Ban kiểm soát năm 2022:

*DVT: 1.000 đ*

STT	Họ tên	Chức danh	Lương	Thù lao	Cộng	Ghi chú
1	Trần Thị Quy	Trưởng ban chuyên trách	63.300		63.300	Miễn nhiệm 21/4/2022

STT	Họ tên	Chức danh	Lương	Thù lao	Cộng	Ghi chú
2	Phan Thùy Đoan	Trưởng ban		37.500	37.500	Bổ nhiệm 21/4/2022
3	Nguyễn Thị Liên	Thành viên		46.000	46.000	
4	Lê Thị Yến	Thành viên		46.000	46.000	
	<b>Cộng</b>		<b>63.300</b>	<b>129.500</b>	<b>192.800</b>	

- Chi phí hoạt động Ban kiểm soát năm 2022: không phát sinh.

#### **E. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

- Ban điều hành cần có kế hoạch cụ thể cho việc thu hồi công nợ quá hạn tồn đọng và xem xét chính sách bán hàng cho từng đối tượng khách hàng phù hợp hơn tại các đơn vị trực thuộc, đặc biệt là công nợ quá hạn các khách hàng mua bê tông, nhằm sử dụng hiệu quả nguồn vốn lưu động của Công ty.
- Xí nghiệp Bê tông: Ban điều hành cần rà soát và tìm hướng khai thác gia tăng công suất sản xuất và kinh doanh bê tông nhằm tối ưu hiệu quả của các trạm sản xuất bê tông thương phẩm.
- Mỏ đá Tân Cang 5: Tiếp tục công tác thỏa thuận đền bù giải phóng mặt bằng ở những vị trí liền kề moong khai thác nhằm mở rộng khu vực khai thác, mang lại hiệu quả cho Công ty. Giám sát hoạt động của các đơn vị gia công khai thác chặt chẽ. Phối hợp với các Sở/ Ban ngành để hoàn tất thủ tục pháp lý phần cote -80 của mỏ.
- Mỏ đá Thiện Tân 5: Tích cực tìm kiếm thị trường để ổn định SXKD, tiếp tục hoàn tất các thủ tục về đất đai đối với phần diện tích đất đã đền bù, quản lý tốt các khoản chi phí. Tăng cường công tác điều chỉnh chủ trương đầu tư giai đoạn 2 của mỏ.
- Dự án Nhà máy Vật liệu mới (Gạch không nung): Đề nghị Ban điều hành sớm rà soát lại hồ sơ dự án và đánh giá lại hiệu quả của dự án để đưa ra giải pháp phù hợp nhất.
- Đối với Dự án Cụm công nghiệp Long Phước: Kiến nghị Ban điều hành sớm xử lý tất toán các khoản thu và chi phí liên quan đến dự án này.
- Đối với Dự án DNC Building và Mặt bằng khu đất xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu: Kiến nghị Ban điều hành sớm đề xuất phương án kinh doanh để gia tăng nguồn thu và lợi nhuận cho Công ty.
- Ban điều hành cần xúc tiến làm việc với cơ quan chức năng để xác định lại giá thuê đất cho các lô đất mà công ty đang hoạt động kinh doanh nhằm phản ánh kịp thời chi phí và kết quả kinh doanh của từng năm tài chính.
- Ban điều hành cần xem xét thực hiện các kiến nghị theo Báo cáo của Kiểm toán Nhà nước. Đồng thời, tiếp tục làm việc với Cục Thuế tỉnh Đồng Nai và cân đối dòng tiền sản xuất kinh doanh để thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách theo quy định.

#### **F. KẾ HOẠCH CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023**

1. Kế hoạch thù lao năm 2023:
  - Trưởng ban: 5.000.000 đồng/tháng
  - Thành viên: 4.000.000 đồng/người/tháng

2. Kế hoạch chi phí hoạt động năm 2023: 20.000.000 đồng/ năm.

(Tập huấn chuyên môn; Hội họp, thảo luận, hội thảo chuyên môn; Chi phí đi lại; Thuê chuyên gia; ...)

3. Kế hoạch hoạt động:

- Tiếp tục thực hiện giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
- Tiếp tục giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.
- Giám sát việc thực hiện các kiến nghị của năm trước.

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 tại Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai, kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.

*Nơi nhận:*

- HĐQT Công ty;
- Lưu BKS.

**TM.BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Phan Thùy Đoan**

## BẢNG THỐNG KÊ CÁC DỰ ÁN CỦA CÔNG TY

(Đính kèm Báo cáo số 01/BC-DNC-KS ngày 20/03/2023)

TT	Dự án	Diện tích	Công suất	Hiện trạng	Dự kiến
1	Mỏ đá Tân Cang 5	25,175 ha	1.000.000 m <sup>3</sup> /năm	<p>Dự án đã đền bù được khoảng 18,6/25,175 ha.</p> <p>Diện tích còn lại chưa đền bù được do người dân yêu cầu mức giá đền bù cao, ngoài ra dự án đang triển khai thực hiện công tác điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư nhưng đang vướng do vị trí thực hiện dự án không phù hợp với quy hoạch phân khu D1 tại xã Phước Tân, Tp. Biên Hòa được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3318/QĐ-UBND ngày 21/10/2019.</p>	Tiếp tục hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư và xin cấp phép khai thác cote – 80m.
2	Mỏ đá Thiện Tân 5	27,77 ha	750.000 m <sup>3</sup> /năm	<p>Diện tích mở moong khai thác 20,63ha, Công ty đã đền bù được 18,9ha gồm 15,95 ha trong ranh và 2,96 ha ngoài ranh.</p> <p>Dự án chia làm 02 giai đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GĐ 1: 4,95 ha. Đã khai thác hết trữ lượng.</li> <li>- GĐ2: phần diện tích còn lại.</li> </ul> <p>Giai đoạn 2 đang thực hiện trình phê duyệt điều chỉnh dự án do vướng quy hoạch.</p>	Tiếp tục xin điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án để hoàn thiện các thủ tục về đất đai.
3	NM gạch Tuynel	<p>Tổng diện tích là 90.018 m<sup>2</sup>;</p> <p>trong đó diện tích khả dụng là 84.928,2 m<sup>2</sup></p> <p>Thời hạn sử dụng đất 31/12/2051.</p>		<p>Nhà máy chỉ sử dụng 49.000m<sup>2</sup></p> <p>MMTB cũ, hư hỏng thường xuyên, công suất hiện tại đạt 22tr.viên/năm.</p>	Tiếp tục nghiên cứu các phương án kinh doanh sử dụng hiệu quả diện tích đất tại Nhà Máy
4	XN Bê tông Đồng Nai tại Hồ Nai 3, Trảng Bom	<p>18.500 m<sup>2</sup></p> <p>Thời hạn sử dụng đất 09/6/2058.</p>	<p>11.500 m<sup>2</sup></p> <p>Phần diện tích còn lại dùng cho dự án NM Vật liệu mới.</p>	<p>Sản xuất Bê tông tươi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trạm 03: 120m<sup>3</sup>/h</li> <li>- Trạm 04: 75m<sup>3</sup>/h</li> </ul>	Tiếp tục sản xuất Bê tông tươi.



## BẢNG THỐNG KÊ CÁC DỰ ÁN CỦA CÔNG TY

(Đính kèm Báo cáo số 01/BC-DNC-KS ngày 20/03/2023)

TT	Dự án	Diện tích	Công suất	Hiện trạng	Dự kiến
5	XN Bê tông Đồng Nai tại An Bình, Biên Hòa	3.060,1 m <sup>2</sup>	60m <sup>3</sup> /h	Sản xuất Bê tông tươi	Đang nghiên cứu phương án để tăng công suất cho trạm trộn
6	NM Vật liệu mới – Gạch xi măng cốt liệu	7.000 m <sup>2</sup>	50.tr viên/năm.	Tháng 8/2021 Công ty chính thức chạy thử, chỉ đạt công suất 40% công suất yêu cầu. Đơn vị cung cấp vẫn chưa khắc phục được các lỗi kỹ thuật và công suất của dây chuyền theo hợp đồng đã ký kết.	Hiện dự án vẫn đang tạm ngưng chạy thử dây chuyền sản xuất gạch và liên hệ làm việc với nhà thầu cung cấp thiết bị.
7	Mặt bằng khu đất xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai	12.958 m <sup>2</sup> Thời hạn sử dụng đất 15/10/2043.	12.106,4 m <sup>2</sup>	Chưa có phương án sử dụng đất. Hiện tại UBND tỉnh đang có chủ trương thu hồi lại khu đất	Tiếp tục nghiên cứu, phương án đầu tư cho khu đất này và xin tiếp tục được thuê đất.
8	Bãi cát xã Long Tân, Nhơn Trạch	7.493 m <sup>2</sup> Thời hạn sử dụng đất 31/12/2052	7.493 m <sup>2</sup>	Công ty cho Công ty TNHH Cát Việt thuê từ 04/01/2021 đến 31/12/2023 để sản xuất VLXD và làm cảng tập kết, bốc dỡ hàng hóa.	Chờ Chi cục thuế có đơn giá thuê đất mới để thực hiện lập hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ Công ty cho khu đất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 138, Đường Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 39

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 138, Đường Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Và Vật Liệu Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trương Cường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Toàn	Thành viên
Ông Trần Anh Điền	Thành viên
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/04/2022)
Ông Vũ Trọng Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/04/2022)
Bà Lê Thị Giang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/04/2022)
Ông Trần Tiến Bình	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/04/2022)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phan Thùy Đoan	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 01/05/2022)
Bà Trần Thị Quy	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 01/05/2022)
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên
Bà Lê Thị Yến	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Anh Dũng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21/04/2022)
Bà Lê Thị Giang	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 21/04/2022)
Ông Nguyễn Tiến Toàn	Phó Tổng Giám đốc

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 138, Đường Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Trần Anh Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Số: 221/2023/KT-RSMHCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2023 từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2.5 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính về việc Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2022 với số tiền âm 13,38 tỷ VND, và tại ngày đó nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 38,82 tỷ VND và Công ty có lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ âm 24,40 tỷ VND. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

### KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2023



Nguyễn Thị Bích Thảo

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
4341-2019-026-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>36.127.127.565</b>	<b>54.102.618.204</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>4.569.089.916</b>	<b>13.906.165.095</b>
1. Tiền	111		4.569.089.916	11.906.165.095
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>24.694.230.521</b>	<b>31.899.194.177</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	26.815.904.046	33.545.981.208
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.475.400.314	1.828.972.848
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	1.017.413.398	1.046.634.760
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(5.614.487.237)	(4.522.394.639)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>5.354.818.471</b>	<b>7.759.617.913</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.6	5.354.818.471	7.759.617.913
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.508.988.657</b>	<b>537.641.019</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		750.965.115	31.551.549
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.12	6.767.159	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.11	751.256.383	506.089.470
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>155.570.420.637</b>	<b>133.438.261.976</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>7.794.542.227</b>	<b>7.478.676.350</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	7.794.542.227	7.478.676.350
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.446.499.448</b>	<b>23.405.214.378</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	18.376.499.444	23.325.214.378
Nguyên giá	222		82.553.081.566	84.710.135.565
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.176.582.122)	(61.384.921.187)
2. Tài sản cố định vô hình	227		70.000.004	80.000.000
Nguyên giá	228		359.296.027	359.296.027
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(289.296.023)	(279.296.027)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>22.468.427.652</b>	<b>28.448.423.907</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	22.468.427.652	28.448.423.907
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.050.600.000</b>	<b>2.050.600.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	2.050.600.000	2.050.600.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>104.810.351.310</b>	<b>72.055.347.341</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	104.810.351.310	72.055.347.341
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>191.697.548.202</b>	<b>187.540.880.180</b>

(Xem tiếp trang sau)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>98.535.616.271</b>	<b>68.765.594.427</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>74.949.917.101</b>	<b>53.994.055.081</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	25.847.330.478	34.519.850.873
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.461.670.946	1.053.301.351
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	35.099.375.662	7.273.731.997
4. Phải trả người lao động	314		907.449.687	1.781.846.396
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		792.931.385	464.797.766
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	1.769.945.713	4.491.936.746
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.12	7.465.000.000	3.483.853.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		606.213.230	924.736.952
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>23.585.699.170</b>	<b>14.771.539.346</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.13	10.461.251.765	11.567.894.900
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.12	10.762.553.000	1.004.200.000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.361.894.405	2.199.444.446
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>93.161.931.931</b>	<b>118.775.285.753</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.14.1	<b>93.161.931.931</b>	<b>118.775.285.753</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.14.2	88.340.000.000	88.340.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		88.340.000.000	88.340.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.14.5	18.205.427.084	17.754.419.971
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(13.383.495.153)	12.680.865.782
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		10.814.094.443	8.275.584.154
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(24.197.589.596)	4.405.281.628
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>191.697.548.202</b>	<b>187.540.880.180</b>



Trần Anh Dũng  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Tú Loan  
Kế toán trưởng

Vũ Thị Vân  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	138.491.251.940	160.575.870.905
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		138.491.251.940	160.575.870.905
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	131.821.287.831	139.863.184.828
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.669.964.109	20.712.686.077
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		924.293.924	534.986.625
6. Chi phí tài chính	22		1.124.539.741	175.246.605
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.124.452.301</i>	<i>175.246.605</i>
7. Chi phí bán hàng	25	5.3	3.427.430.422	3.083.387.603
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	11.127.216.326	9.250.802.704
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.084.928.456)	8.738.235.790
10. Thu nhập khác	31		521.059.956	331.160.909
11. Chi phí khác	32	5.5	16.633.721.096	3.980.204.541
12. Lợi nhuận khác	40		(16.112.661.140)	(3.649.043.632)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(24.197.589.596)	5.089.192.158
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	683.910.530
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(24.197.589.596)	4.405.281.628
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.4	(2.739)	338
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.4	(2.739)	338



Trần Anh Dũng  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Tú Loan  
Kế toán trưởng

Vũ Thị Vân  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(24.197.589.596)	5.089.192.158
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	4.958.714.930	5.334.083.341
Các khoản dự phòng	03	5.6	1.254.542.557	1.269.072.558
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.444.655.557)	(844.077.534)
Chi phí lãi vay	06		1.124.452.301	175.246.605
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(18.304.535.365)	11.023.517.128
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.493.096.163	3.153.665.050
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.404.799.442	(81.743.335)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		16.552.643.880	5.078.499.798
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(27.442.446.334)	2.743.571.692
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.124.452.301)	(175.246.605)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.11	(245.166.913)	(3.312.686.801)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.734.287.948)	(1.639.207.648)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(24.400.349.376)	16.790.369.279
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(80.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		520.361.633	309.090.909
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		924.293.924	534.986.625
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.444.655.557	764.077.534
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	17.600.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(3.860.500.000)	(3.554.428.209)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(120.881.360)	(9.574.383.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		13.618.618.640	(13.128.811.609)
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>				
(50 = 20 + 30 + 40)	50		(9.337.075.179)	4.425.635.204
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		13.906.165.095	9.480.529.891
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>				
(70 = 60 + 61)	70	4.1	4.569.089.916	13.906.165.095



Trần Anh Dũng  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Tú Loan  
Kế toán trưởng

Vũ Thị Vân  
Người lập

Số: 59 /TTr-DNC

Đồng Nai, ngày 04 tháng 04 năm 2023

**TỜ TRÌNH**  
**Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022**

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;  
Căn cứ vào điều lệ Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai;  
Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ.ĐHĐCĐ-DNC ngày 21/04/2022 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã thông qua;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-ĐHĐCĐ-DNC được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/11/2022 về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét và biểu quyết về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

Do kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty bị lỗ: 24.197.589.596 đồng, nên đề nghị không trích các quỹ, không chia cổ tức năm 2022 và kết chuyển lỗ sang năm sau theo quy định hiện hành.

Stt	Nội dung	Tỷ lệ	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2022		(24.197.589.596)
2	Trích các quỹ		0
3	Kết chuyển lỗ		(24.197.589.596)
4	Lợi nhuận còn lại của các năm trước		10.814.094.443
5	Chia cổ tức	0%	0
6	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau		<b>(13.383.495.153)</b>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Vt.



Số: 60 /TTr-DNC

Đồng Nai, ngày 04 tháng 04 năm 2023

**TỜ TRÌNH**  
**Về kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023**

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;  
Căn cứ vào điều lệ Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai;  
Căn cứ vào Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét và biểu quyết về Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

Stt	Nội dung	Tỷ lệ	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2023		<b>2.283.000.000</b>
2	Lợi nhuận còn lại của các năm trước		(13.383.495.153)
3	Trích các quỹ		0
4	Chia cổ tức	0%	0
5	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau		<b>(11.100.495.153)</b>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: Vt.



**Trương Cường**

Số: 61 /TTr-DNC

Đồng Nai, ngày 04 tháng 04 năm 2023

## TỜ TRÌNH

### Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị thực hiện năm 2022

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ vào điều lệ Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai;

Căn cứ vào thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ vào Quy chế lương, thù lao và thưởng của Công ty DNC.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình trước Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát và Thư ký Hội đồng Quản trị thực hiện năm 2022 như sau:

- Tổng tiền lương chuyên trách của Chủ tịch Hội đồng quản trị: 305.000.000 đồng.
- Tổng tiền lương chuyên trách của Trưởng BKS từ T01-T04/2022: 63.300.000 đồng.
- Tổng thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát không chuyên trách: 359.500.000 đồng.

Trong đó:

- + Thù lao của thành viên HĐQT: 4.792.000 đồng/người/tháng.
- + Trưởng BKS kiêm nhiệm Từ T05/2022: 4.688.000 đồng/người/tháng.
- + Thù lao của thành viên BKS: 3.833.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao của thư ký HĐQT: 4.000.000 đồng/người/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Vt.



Số: 62/TTr-DNC

Đồng Nai, ngày 04 tháng 04 năm 2023

## TỜ TRÌNH

### Kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị năm 2023

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ vào điều lệ Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai;

Căn cứ vào thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ vào Quy chế lương, thù lao và thưởng của Công ty DNC.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình trước Đại hội đồng cổ đông mức tạm chi tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị năm 2023 như sau:

#### 1. Tiền lương:

+ Chủ tịch HĐQT (chuyên trách): 27.000.000 đồng/tháng.

#### 2. Thù lao.

+ Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm): 5.000.000 đồng/người/tháng.

+ Trưởng ban kiểm soát (kiêm nhiệm): 5.000.000 đồng/người/tháng.

+ Thành viên BKS (kiêm nhiệm): 4.000.000 đồng/người/tháng.

+ Thư ký HĐQT (kiêm nhiệm): 4.000.000 đồng/người/tháng.

Quỹ tiền lương và Quỹ thù lao thực hiện năm 2023 được quyết toán căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và thông tư 28/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016.

Khi Nhà nước có sự thay đổi về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, sẽ giao Hội đồng Quản trị thực hiện theo quy định và báo cáo trước Đại hội cổ đông năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận.

Trân trọng.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Vt.



Số: 02 /TTr-DNC

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2023

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023**

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;  
Căn cứ vào điều lệ Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai;  
Căn cứ vào danh sách các Công ty kiểm toán được phép kiểm toán năm 2021 của Bộ Tài chính.

Để thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 theo quy định, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong ba Công ty kiểm toán theo danh sách dưới đây, để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai:

TT	Tên Công ty kiểm toán	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam	140 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa káo, quận 1, TPHCM.
2	Công ty TNHH Kiểm toán VACO	Tầng 12A, Tòa nhà Tổng Cty 319, số 63, Lê văn Lương, P.Trung Hòa, Q Cầu giấy, TP Hà Nội.
3	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C	Số 02, Trường Sơn, phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: Vt.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

  
**Phan Thùy Đoan**



## TỜ TRÌNH

### Về việc điều chỉnh Dự án Mở đá xây dựng Thiện Tân 5 tại xã Thiện Tân 5, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 1043/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai;
- Căn cứ Quyết định số 3250/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc xác nhận trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác tại mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5;
- Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 343/GP-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai được khai thác khoáng sản tại mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5 thuộc xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (giai đoạn 2);
- Căn cứ Quyết định số 105/QĐ.HĐQT-DNC ngày 31/03/2012 của HĐQT Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai về việc phê duyệt dự án đầu tư khai thác mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;
- Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-DNC ngày 12/10/2016 của HĐQT Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh công suất khai thác – chế biến đá xây dựng mỏ Thiện Tân 5, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;
- Căn cứ Quyết định số 5368/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2023 huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai;
- Căn cứ Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 01/08/2022 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết phê duyệt điều chỉnh dự án mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5 tại xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai với các nội dung chính như sau:

#### 1. Dự án điều chỉnh: Dự án mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5

(Theo Phụ lục thông tin chung dự án điều chỉnh đính kèm)

## 2. Ủy quyền cho HĐQT Công ty:

- Phê duyệt điều chỉnh Dự án trong quá trình thực hiện (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế, trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả đầu tư không thấp hơn các chỉ tiêu của dự án đã được ĐHCĐ phê duyệt.

- Phê duyệt/quyết định các bước tiếp theo để triển khai thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và các Quy chế của Công ty.

## 3. Lý do điều chỉnh:

Điều chỉnh theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 343/GP-UBND ngày 31/12/2021 và Quyết định số 5368/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh; Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc quy hoạch chung xây dựng xã Thiện Tân.

Các thông số thay đổi

Stt	Danh mục	Đvt	Dự án đã được duyệt	Dự án điều chỉnh	Ghi chú
1	Diện tích khu vực khai thác	Ha	27,77	20,63	
2	Trữ lượng huy động vào khai thác	m <sup>3</sup>			
	Đá xây dựng	m <sup>3</sup>	9.956.976	6.042.007	
	Sét gạch ngói	m <sup>3</sup>	1.218.116	924.484	
	Vật liệu san lấp	m <sup>3</sup>	0	1.110.313	

Từ các nguyên nhân khách quan trên dự án mở đá xây dựng Thiện Tân 5 cần phải điều chỉnh lại cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay của Công ty. Mặt khác Công ty đã tiến hành đánh giá lại tính hiệu quả dự án, sau khi tính toán dự án điều chỉnh vẫn mang lại hiệu quả kinh tế và lợi nhuận cho Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết phê duyệt điều chỉnh dự án mở đá xây dựng Thiện Tân 5.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Vt.



**Trương Cường**

**PHỤ LỤC**  
**THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN MỎ ĐÁ XÂY DỰNG THIỆN TÂN 5 ĐIỀU CHỈNH**  
(Kèm theo tờ trình số: 4./TTr-DNC ngày 04.../04./2023)

- 1. Tên dự án:** Mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5
- 2. Chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai.
- 3. Mục tiêu dự án:**
  - Khai thác đá xây dựng cung cấp cho thị trường trong và ngoài tỉnh.
  - Tạo việc làm cho người lao động và lợi nhuận cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai.
  - Phát triển các dịch vụ đi kèm.
  - Đóng góp cho ngân sách Nhà nước và địa phương.
- 4. Tên tổ chức tư vấn lập báo cáo:** Công ty TNHH Xây dựng - Địa chất – Khoáng sản Vĩnh An.
- 5. Địa điểm xây dựng:** xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- 6. Loại và cấp công trình:**
  - Phân loại công trình: Công trình công nghiệp – Sản xuất vật liệu xây dựng (Công trình khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng có sử dụng vật liệu nổ).
  - Phân cấp công trình: Cấp II
- 7. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng**
  - 7.1. Biên giới và trữ lượng khai trường**
    - **Biên giới khai trường**

Biên giới trên mặt:

+ Diện tích khu vực khai thác:	20,63 ha.
+ Cao độ địa hình trên mặt:	+4,8 m ÷ +7,4m.
+ Chiều dài trên mặt:	510m ÷ 860m.
+ Chiều rộng trên mặt:	60m ÷ 290m.

Biên giới dưới đáy: Đáy khai trường được kết thúc ở độ sâu -60m, thuộc phạm vi các khối trữ lượng cấp 121 và 122.

+ Cote cao đáy khai trường:	-60m
+ Diện tích dưới đáy:	8,41ha.
+ Chiều dài dưới đáy:	445m ÷ 632m.
+ Chiều rộng dưới đáy:	35m ÷ 169m.
    - **Trữ lượng khai trường**

+ Trữ lượng đá xây dựng:	6.042.007 m <sup>3</sup> nguyên khối.
+ Trữ lượng sét gạch ngói:	924.484 m <sup>3</sup> nguyên khối.
+ Trữ lượng vật liệu san lấp:	1.110.313 m <sup>3</sup> nguyên khối.

## 7.2. Công suất thiết kế và tuổi thọ dự án

- Công suất thiết kế:

- + Đá xây dựng: 750.000 m<sup>3</sup> nguyên khối/ năm.
- + Sét gạch ngói: 100.000 m<sup>3</sup> nguyên khối/ năm.
- + Vật liệu san lấp: 144.000 m<sup>3</sup> nguyên khối/ năm.

- Tuổi thọ mỏ: 14 năm 6 tháng.

## 7.3. Mở vỉa chuẩn bị khai trường

Vị trí mở vỉa: cải tạo moong giai đoạn 2 được lựa chọn mở rộng phát triển về phía Bắc của mỏ gần lỗ khoan AV4 và AV5. Hướng khai thác từ Tây sang Đông và từ Nam lên Bắc.

## 7.4. Chuẩn bị khai trường và trình tự khai thác

Trình tự khai thác được xác định phù hợp với điều kiện địa hình khu mỏ và hệ thống khai thác đã chọn, khai thác theo lớp bằng, vận tải trực tiếp trên tầng, khai thác từ trên xuống dưới với chiều cao tầng đá là 10m.

Nhằm đảm bảo an toàn trong công tác nổ mìn cho người và công trình, cũng như tạo thuận lợi về công tác thoát nước, thiết kế sẽ mở rộng moong khai thác từ khu vực tiếp giáp với ranh giới phía Bắc của giai đoạn 1 (gần điểm mốc số 3) phát triển sang phía Đông (gần điểm mốc số 4) và mở rộng các tầng khai thác về phía Nam mỏ. Sau khi khai thác hết trữ lượng phía Nam mỏ, tiến hành khai thác lên phía Bắc và ra hết biên giới cấp phép mỏ.

## 7.5. Hệ thống khai thác, công nghệ khai thác

- Lựa chọn hệ thống khai thác:

Hệ thống khai thác được chọn áp dụng cho mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5 là hệ thống khai thác theo lớp bằng, vận tải trực tiếp trên tầng và sử dụng bãi thải trong.

Bảng 1. Tổng hợp các thông số hệ thống khai thác

Stt	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều cao tầng khai thác	$H_t$	m	
	Trong đất phủ, đá bán phong hóa			5
	Trong đá gốc			10
2	Chiều cao tầng kết thúc	$H_t$	m	
	Trong đất phủ, đá bán phong hóa			5
	Trong đá gốc			20
3	Góc nghiêng sườn tầng khai thác	$\alpha_t$	độ	
	Trong đất phủ, đá bán phong hóa			60
	Trong đá gốc			75
4	Góc nghiêng sườn tầng kết thúc	$\alpha_{kt}$	độ	
	Trong đất phủ			30
	Trong đá bán phong hóa			45
	Trong đá gốc			60
5	Chiều rộng dải khẩu	A	m	10,4
6	Chiều rộng tầng công tác tối thiểu	$B_{min}$	m	37
7	Chiều rộng đai bảo vệ	$B_v$	m	
	Trong đất phủ, đá bán phong hóa			2

Stt	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị
	<i>Trong đá gốc</i>			5, 7
8	Chiều dài tuyến công tác	L	m	228
9	Góc nghiêng bờ kết thúc của mỏ	g	độ	54°15' ÷ 58°34'

- *Lựa chọn công nghệ khai thác*

Công tác khoan nổ mìn ở mỏ là nổ mìn lỗ khoan lớn có đường kính 105mm để khai thác đá xây dựng, bóc tầng đá bán phong hóa và đá kẹp. Đá quá cỡ được xử lý bằng búa đập thủy lực.

*Bảng 2. Thống kê các thông số khoan nổ mìn*

STT	Các thông số kỹ thuật	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị
1	Đường kính lỗ khoan	d	m	0,105
2	Chỉ tiêu thuốc nổ	q	kg/m <sup>3</sup>	0,35
3	Chiều cao tầng	H	m	10
4	Đường kháng chân tầng	W	m	3,8
5	Khoảng cách giữa các lỗ khoan	a	m	3,8
6	Khoảng cách giữa hai hàng lỗ khoan	b	m	3,3
7	Lượng thuốc nổ cho một lỗ khoan	Q	kg	51
8	Lượng thuốc nổ cho 1m dài lỗ khoan	G	kg/m	7,2
9	Chiều dài lượng thuốc	L <sub>t</sub>	m	7,1
10	Chiều sâu khoan thêm	L <sub>kt</sub>	m	1,00
11	Chiều dài lỗ khoan	L	m	11,00
12	Chiều dài búa	L <sub>b</sub>	m	3,90
13	Suất phá đá (nguyên khối)	p <sub>nk</sub>	m <sup>3</sup> /m	11,40
14	Suất phá đá (nở rời)	p <sub>nr</sub>	m <sup>3</sup> /m	16,82
15	Số hàng mìn			3
16	Số lỗ khoan 1 đợt nổ	n	Lỗ	59,0
17	Số lỗ khoan trong 1 hàng		lỗ	20
18	Lượng thuốc nổ cho 1 đợt	Q <sub>d</sub>	kg	3.000
19	Chiều dài block khoan nổ mìn		m	76
20	Chiều rộng block khoan nổ mìn		m	10,4

#### **7.6. Công tác xúc bốc và vận tải trong mỏ**

- *Công tác xúc đất, đá tại gương khai thác*

Công tác xúc đất đá mỏ Thiện Tân 5 sử dụng máy xúc thủy lực gầu ngược (máy đào) có dung tích 1,2m<sup>3</sup>.

- *Công tác xúc đá thành phẩm*

Sử dụng máy xúc bánh lốp (xúc lật), loại dung tích gầu 3,5m<sup>3</sup> đảm nhiệm công tác xúc bốc thành phẩm tại khu vực chế biến.

- *Công tác vận tải trong mỏ*: sử dụng ô tô tự đổ có dung tích thùng xe 10m<sup>3</sup>.

#### **7.7. Công tác đổ thải đất đá và chứa khoáng sản nguyên khai**

- Vị trí bãi thải: được bố trí bên trong giáp ranh giới phía Đông Nam mỏ (gần điểm mốc số 4, 4.1 và số 4.2) với diện tích khoảng 1ha. Sau khi khai thác gần tới khu vực chế biến, tiến hành khai thác về phía Bắc mỏ bãi thải sẽ được bố trí trong khu vực 6,02ha nằm ngoài ranh mở

moong khai thác nhưng nằm trong diện tích được cấp phép hoạt động khoáng sản là khu vực công trình phụ trợ.

- Phương pháp thải: Thải theo lớp bằng, hết lớp này đến lớp khác, chiều cao mỗi tầng thải 05m. Hướng đổ thải từ vị trí sát ranh mỏ ra ngoài.

#### **7.8. Công tác tháo khô, thoát nước mỏ**

Biện pháp thoát nước mỏ được áp dụng là phương pháp tháo khô cưỡng bức, nước trong moong khai thác được cho tự chảy về hố thu nước sau đó lắng lọc tự nhiên tại phần thấp nhất của hố thu (hố lắng). Từ hố lắng sẽ bố trí máy bơm cao áp bơm cưỡng bức ra khỏi khai trường lên mương dẫn nước và chảy ra ngoài hệ thống thoát nước chung của khu vực.

#### **7.9. công tác chế biến khoáng sản**

Sản phẩm chế biến: từ đá nguyên khai chế biến ra các loại sản phẩm đá 1x2, đá 0x4 và sản phẩm phụ (đá mi).

#### **7.10. Cung cấp điện và trang bị điện**

Nguồn cung cấp điện: Hiện tại, Công ty đã lắp đặt 01 trạm biến áp công suất 560kVA. Trong thời gian tới sẽ lắp đặt thêm 1 trạm biến áp công suất 1.000kVA và 01 trạm biến áp công suất 560kVA để phục vụ cho nhu cầu sử dụng điện trong mỏ và dự phòng. Công ty đã ký hợp đồng với Điện lực Vĩnh Cửu cung cấp điện tại mỏ.

#### **7.11. Thông tin liên lạc và tự động hoá**

- Hệ thống thông tin liên lạc nội bộ và bên ngoài mỏ được trang bị điện thoại để bàn, điện thoại di động và máy fax, hệ thống internet ADSL của Viettel hoặc VNPT.

- Tự động hoá: các công đoạn sản xuất mỏ đơn giản, không có các thiết bị tự động hóa sử dụng hệ thống điều khiển tự động bằng computer cũng như các thiết bị cảm ứng, báo hiệu. Mỏ trang bị máy bộ đàm để duy trì liên lạc giữa các công đoạn sản xuất của mỏ.

#### **7.12. Cung cấp nước và thải nước**

- *Cung cấp nước:*

+ Nước sinh hoạt: sử dụng nguồn nước ngầm với lưu lượng 24m<sup>3</sup>/ngày đêm phục vụ cho sinh hoạt, tưới cây. Nước được bơm từ giếng khoan lên bồn chứa chung sau đó qua hệ thống xử lý dẫn đến các hộ tiêu thụ trong khu văn phòng.

+ Nước sản xuất: sử dụng phun sương giảm thiểu bụi tại các nơi phát sinh bụi ở trạm nghiền sàng, sân công nghiệp, đường vận chuyển được lấy từ hố thu nước mưa trong mỏ, giếng khoan nước ngầm và khi thiếu sử dụng tại hố thu nước tại đáy moong khai thác.

- Thải nước:

+ Lượng nước dùng trong sinh hoạt được thu gom bằng đường ống về bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải và thoát nước khu văn phòng mỏ.

+ Nước tưới cây, chống bụi được ngầm xuống đất do lượng nước sử dụng không nhiều, chỉ đủ để làm ẩm, chống phát tán bụi ra môi trường xung quanh.

#### **7.13. Tổng mặt bằng**

Các hạng mục trong tổng mặt bằng mỏ như sau:

- Khai trường: bao gồm toàn bộ diện tích mỏ xác định trong phần “biên giới mỏ”. Diện tích 20,63 ha.

- Mặt bằng sân công nghiệp: có diện tích 4,17ha nằm trong khu vực được cấp phép làm khu công trình phụ trợ. Trong đó bao gồm khu vực chế biến và các công trình mỏ.

- Khu công trình mỏ: đã được xây dựng trong mặt bằng sân công nghiệp có diện tích khoảng 5.000m<sup>2</sup>. Trong đó bao gồm:

*Bảng 3. Tổng hợp các công trình xây dựng*

STT	Hạng mục	Đơn vị	Giá trị
1	Khu vực văn phòng mỏ	m <sup>2</sup>	28
2	Nhà ăn công nhân	m <sup>2</sup>	31
3	Nhà vệ sinh	m <sup>2</sup>	9
4	Xưởng sửa chữa, kho vật tư	m <sup>2</sup>	30
5	Kho nhiên liệu	m <sup>2</sup>	13,5
6	Kho chứa chất thải nguy hại	m <sup>2</sup>	12
7	Nhà xe	m <sup>2</sup>	144
8	Đường nội bộ và khoảng không	m <sup>2</sup>	4.733
	<b>Tổng</b>	<b>m<sup>2</sup></b>	<b>5.000</b>

#### **7.14. Kỹ thuật an toàn**

Công tác an toàn sản xuất ở mỏ bao gồm:

- + An toàn trong bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ.
- + An toàn trong vận hành máy khoan và búa khoan hơi ép cầm tay.
- + An toàn trong vận hành máy nén khí.
- + An toàn máy xúc.
- + An toàn trong vận chuyển đất đá.
- + An toàn sử dụng điện.
- + Phòng chống cháy nổ.

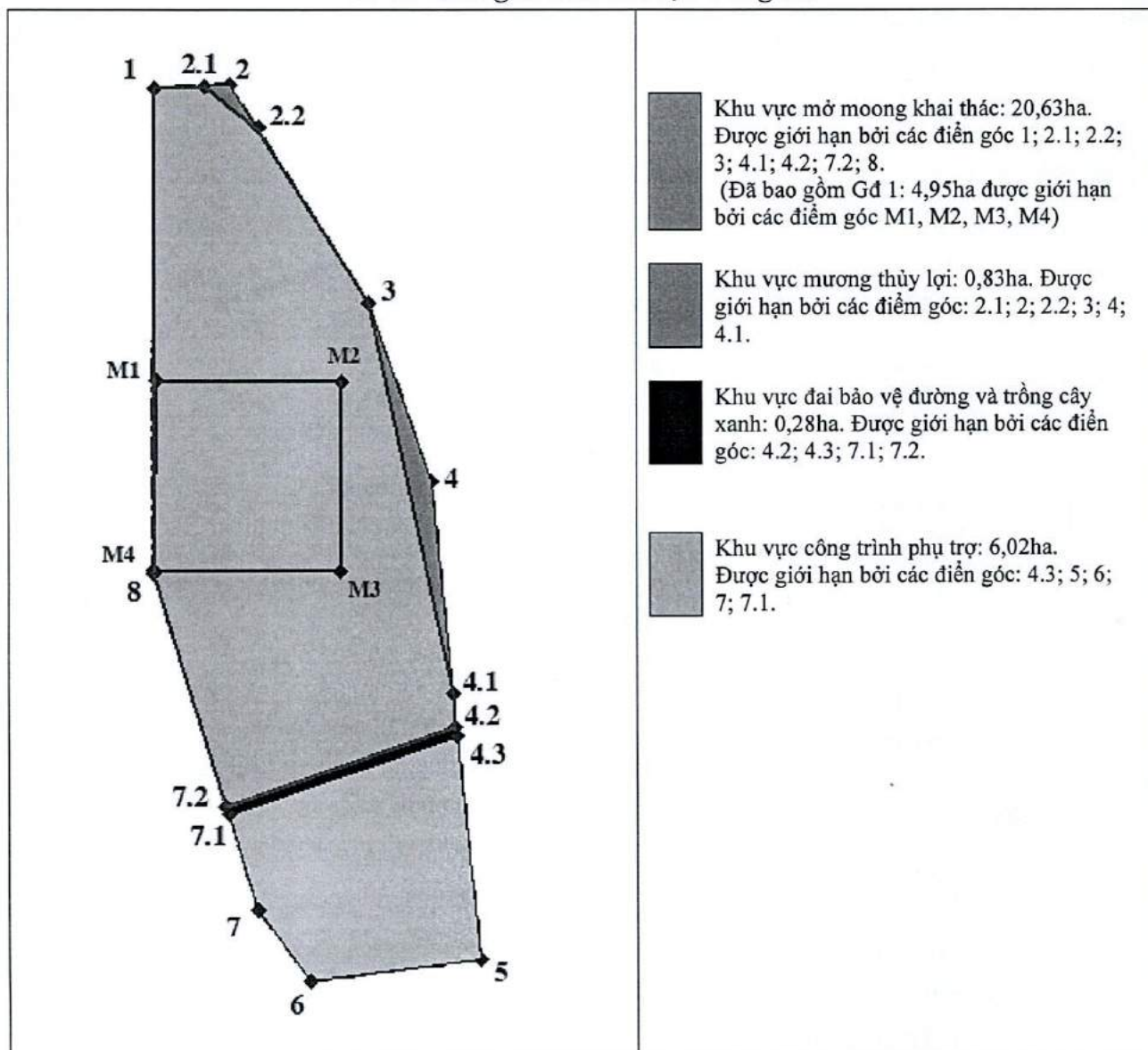
#### **8. Diện tích sử dụng đất:**

Tổng diện tích đất sử dụng là 27,77 ha.

*Trong đó:*

- *Diện tích mở moong khai thác: 20,63 ha;*
- *Diện tích nương thủy lợi: 0,83 ha;*
- *Diện tích đai bảo vệ đường, trồng cây xanh: 0,28ha;*
- *Diện tích công trình phụ trợ: 6,02ha.*

Sơ đồ ranh giới các khu vực trong mỏ



**9. Công tác bảo vệ môi trường:**

Tuân thủ theo nội dung Báo cáo đánh giá môi trường đã được phê duyệt, Luật bảo vệ môi trường và theo các văn bản pháp luật liên quan hiện hành.

**10. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư**

Trong thời gian tới, Công ty dự kiến thỏa thuận, bồi thường giải phóng mặt bằng như sau:

- Chưa đền bù trong diện tích cấp phép khai thác 21,75ha: 60.455,6 m<sup>2</sup>;

Giá đền bù/thỏa thuận dự kiến theo đơn giá nhà nước: 1.600.000.000 đồng/ha.

Như vậy, tổng chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng đưa vào tính toán dự án giai đoạn này được tổng hợp trong bảng sau:



Bảng 4. Tổng chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng trong ranh giới đã được cấp phép khai thác

Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/ha)	Giá trị còn lại đưa vào dự án điều chỉnh (đồng)	Đã khấu hao đến 31/10/2022 (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
Chi phí đã bồi thường giải phóng mặt bằng trong ranh	16,57250		11.828.240.266	2.320.190.902	9.508.049.364
Chi phí đã bồi thường giải phóng mặt bằng ngoài ranh	2,33946				
Chi phí hoàn thiện thủ tục pháp lý các thửa đất đã bồi thường sang tên Công ty			3.000.000.000		3.000.000.000
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng còn lại	6,04556	1.600.000.000	9.672.896.000		9.672.896.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>24.501.136.266</b>	<b>2.320.190.902</b>	<b>22.180.945.364</b>

**11. Liệt kê đồng bộ thiết bị chính, các hạng mục công trình xây dựng phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản của mỏ.**

- Chi phí xây dựng:

Bảng 5. Chi phí xây dựng của dự án

Stt	Hạng mục	Đvt	KL	Đơn giá (đồng/ĐVT)	Giá trị trước thuế (đồng)	Thuế VAT (đồng)	Giá trị sau thuế (đồng)
1	<b>Chi phí xây dựng đã đầu tư</b>				<b>4.557.179.444</b>	-	<b>4.557.179.444</b>
1.1	Nhà VP và các CT phụ trợ				790.181.819		790.181.819
1.2	Nhà VP container				220.000.000		220.000.000
1.3	Hệ thống cung cấp điện (đường dây trung thế 22 kVA)				1.180.821.829		1.180.821.829
1.4	Hệ thống chống sét				60.000.000		60.000.000
1.5	Trạm cân				622.000.000		622.000.000
1.6	Hệ thống camera				248.342.886		248.342.886
1.7	Đồng hồ đo lượng nước				32.000.000		32.000.000
1.8	Container VP trạm cân				48.500.000		48.500.000
1.9	Trạm cân 80 tấn				288.000.000		288.000.000
1.10	Hệ thống chống sét trạm cân				38.450.000		38.450.000
1.11	Sân đường, mương thoát nước trạm cân				823.536.364		823.536.364
1.12	Hầm trú ẩn				51.782.000		51.782.000

Stt	Hạng mục	Đvt	KL	Đơn giá (đồng/ĐVT)	Giá trị trước thuế (đồng)	Thuế VAT (đồng)	Giá trị sau thuế (đồng)
1.13	Kho chứa chất thải nguy hại				20.654.546		20.654.546
1.14	Chi phí trồng cây xanh				16.950.000		16.950.000
1.15	Đê bao	m <sup>3</sup>	1.784	65.000	115.960.000		115.960.000
2	<b>Chi phí bóc tầng phủ đã thực hiện</b>				<b>3.377.536.713</b>		<b>3.377.536.713</b>
3	<b>Chi phí xây dựng đầu tư mới</b>				<b>4.511.657.245</b>	<b>451.165.724</b>	<b>4.962.822.969</b>
3.1	Di dời và lắp đặt vân phòng mô, nhà nghỉ công nhân, nhà vệ sinh	HT	1	450.000.000	450.000.000	45.000.000	495.000.000
3.2	Di dời mặt bằng sân công nghiệp	lần	1	200.000.000	200.000.000	20.000.000	220.000.000
3.3	Xây dựng kho chất thải nguy hại	m <sup>2</sup>	12	8.000.000	96.000.000	9.600.000	105.600.000
3.4	Lắp đặt cống hộp trên toàn bộ chiều dài mương thủy lợi ngay sát đường vận chuyển (kích thước cống 1m*1m*1,2m)	md	50	8.109.613	405.480.650	40.548.065	446.028.715
3.5	San gạt mặt bằng sân công nghiệp	100 m <sup>3</sup>	1.834,8	1.198.701	2.199.376.595	219.937.659	2.419.314.254
3.6	Di dời trạm nghiên GD1	lần	1	500.000.000	500.000.000	50.000.000	550.000.000
3.7	Đắp đê bao trên diện tích mỏ	m <sup>3</sup>	4.510	80.000	360.800.000	36.080.000	396.880.000
3.8	Chi phí xây dựng khác	HT	1	300.000.000	300.000.000	30.000.000	330.000.000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>12.446.373.402</b>	<b>451.165.724</b>	<b>12.897.539.126</b>

- Chi phí thiết bị: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai lựa chọn phương án thuê toàn bộ thiết bị khai thác và chế biến.

*Bảng 6. Chi phí thiết bị của dự án*

Stt	Thiết bị	Đvt	SL	Đơn giá (đồng/ĐVT)	Giá trị trước thuế (đồng)	Thuế VAT (đồng)	Giá trị sau thuế (đồng)
1	<b>THIẾT BỊ ĐÃ ĐẦU TƯ</b>				<b>37.367.000</b>	-	<b>37.367.000</b>
1.1	Máy vi tính, máy in	cái	1		22.487.000		22.487.000
1.2	Bàn ghế tủ hồ sơ				14.880.000		14.880.000
2	<b>THIẾT BỊ ĐẦU TƯ MỚI</b>				<b>1.550.000.000</b>	<b>155.000.000</b>	<b>1.705.000.000</b>
2.1	Hệ thống xịt rửa xe tự động khi ra khỏi mỏ	HT	1	850.000.000	850.000.000	85.000.000	935.000.000
2.2	Hệ thống cung cấp nước sạch	HT	1	150.000.000	150.000.000	15.000.000	165.000.000
2.3	Hệ thống đường điện chiếu sáng	HT	1	150.000.000	150.000.000	15.000.000	165.000.000

Stt	Thiết bị	Đvt	SL	Đơn giá (đồng/ĐVT)	Giá trị trước thuế (đồng)	Thuế VAT (đồng)	Giá trị sau thuế (đồng)
2.4	Các thiết bị khác	bộ	1	400.000.000	400.000.000	40.000.000	440.000.000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>1.587.367.000</b>	<b>155.000.000</b>	<b>1.742.367.000</b>

**12. Giá trị tổng mức đầu tư: 53.503.851.045 đồng (Giá trị sau thuế).**

*Bảng 8: Tổng mức đầu tư của dự án*

Stt	Mục chi phí	Giá trị trước thuế (đồng)	Thuế VAT (đồng)	Giá trị sau thuế (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng	24.501.136.266	-	24.501.136.266	46,81%
	- Đã đầu tư	11.828.240.266		11.828.240.266	
	- Đầu tư bổ sung	12.672.896.000	-	12.672.896.000	
2	Chi phí xây dựng cơ bản	12.446.373.402	451.165.724	12.897.539.126	23,78%
	- Đã đầu tư	7.934.716.157	-	7.934.716.157	
	- Đầu tư mới	4.511.657.245	451.165.724	4.962.822.969	
3	Chi phí thiết bị	1.587.367.000	155.000.000	1.742.367.000	3,03%
	- Đã đầu tư	37.367.000	-	37.367.000	
	- Đầu tư mới	1.550.000.000	155.000.000	1.705.000.000	
4	Chi phí tư vấn, QLDA và chi phí khác	7.063.299.408	152.047.888	7.215.347.296	13,50%
	- Đã đầu tư	4.163.776.896	-	4.163.776.896	
	- Đầu tư mới	2.899.522.512	152.047.888	3.051.570.400	
5	Vốn lưu động cho sản xuất	3.327.416.202	332.741.620	3.660.157.822	6,36%
6	Chi phí dự phòng do khối lượng phát sinh	2.163.407.576	75.821.361	2.239.228.937	4,13%
7	Chi phí dự phòng do trượt giá	1.248.074.598		1.248.074.598	2,38%
	<b>Tổng mức đầu tư</b>	<b>52.337.074.452</b>	<b>1.166.776.594</b>	<b>53.503.851.045</b>	<b>100%</b>

### 13. Nguồn vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư toàn dự án là: **53.503.851.045** đồng, trong đó:

- + Nguồn vốn đã đầu tư: 23.964.100.319 đồng.
- + Vốn đầu tư bổ sung từ năm 2023 là 29.539.750.726 đồng. Trong đó:
  - o Nguồn vốn góp của Công ty: 12.539.750.726 đồng.
  - o Vốn vay ngân hàng: 17.000.000.0000 đồng, lãi vay 11,5%/ năm.

### 14. Hình thức quản lý dự án

Chủ đầu tư - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai sẽ trực tiếp quản lý Dự án.

**15. Thời gian thực hiện:**

Đôi với toàn dự án: 14 năm 6 tháng kể từ ngày ký theo Quyết định số 343/GP-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai.

**16. Phương thức thực hiện dự án:**

Chủ đầu tư - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai sẽ trực tiếp đầu tư và tổ chức sản xuất thông qua nguồn vốn kinh doanh, quỹ đầu tư phát triển của Công ty, vốn huy động của các thành viên và vốn vay ngân hàng.

**17. Các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế của dự án:**

Theo thuyết minh chung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án Mỏ đá Xây dựng Thiện Tân 5, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, tính hiệu quả kinh tế của dự án với các nội dung như sau:

*Bảng 9: Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả dự án*

<b>Các tiêu chí đánh giá dự án</b>	<b>Giá trị</b>
NPV	9.052.551.129
IRR (TIPV)	14,51%
IRR (EPV)	14,59%
MIRR (TIPV)	13,59%
MIRR (EPV)	13,93%
Thời gian hoàn vốn	Cuối tháng 7 năm 2030
Thời gian hoàn vốn theo quan điểm EPV	Cuối tháng 6 năm 2030
DSCR	5,588
ARR (Tỉ lệ dòng thu bình quân hàng năm so với tổng dòng chi)	5,44%
PP NI (Kỳ hoàn vốn tính trên lợi nhuận bình quân)	5,84
ROI (Lợi nhuận sau thuế/tổng vốn đầu tư)	17,11%

Dự án khả thi.

Như vậy, với các chỉ tiêu kinh tế đưa vào tính toán hiệu quả kinh tế và theo phương án đầu tư đã đề xuất thì Dự án đầu tư khai thác – chế biến đá xây dựng mỏ Thiện Tân 5, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai từ năm 2012 đến năm 2036 mang lại hiệu quả kinh tế và lợi nhuận cho Công ty.

Số: 65 /TTr-DNC

Đồng Nai, ngày 04 tháng 04 năm 2023

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty**

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;  
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;  
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;  
Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính;  
Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng nai;  
Căn cứ vào Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 23796/21 được Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 17/05/2021.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty cụ thể như sau:

**Nội dung sửa đổi:**

- 1) Sửa đổi: điểm đ, khoản 1, Điều 1: Giải thích thuật ngữ "người điều hành" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

Lý do: Sửa đổi để phù hợp với điểm đ, khoản 5, điều 33 của Điều lệ Công ty.

- 2) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục ngành nghề kinh doanh số 01/PLĐL đính kèm theo Điều lệ Công ty.

Lý do: Thay đổi theo Giấy xác nhận việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số: 23796/21 ngày 17/05/2021.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: Vt.



**PHỤ LỤC**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI**

(Kèm theo tờ trình số: *6.3./TTr-DNC* ngày *09./09./2023*)

TT	NỘI DUNG CŨ ĐANG ÁP DỤNG	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO																								
1	<p><b>Điểm đ, khoản 1, điều 1: Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>đ. “Người điều hành” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc và Phó giám đốc chi nhánh.</p>	<p><b>Điểm đ, khoản 1, điều 1: Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>đ. “Người điều hành” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với điểm đ, khoản 5, điều 33 của Điều lệ Công ty.</p>																								
2	<p><b>Phụ lục 01/PLĐL: Ngành nghề kinh doanh</b></p> <table border="1" data-bbox="224 715 1003 1471"> <thead> <tr> <th data-bbox="224 715 295 815">Stt</th> <th data-bbox="295 715 878 815">Tên ngành</th> <th data-bbox="878 715 1003 815">Mã ngành</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="224 815 295 1046">4</td> <td data-bbox="295 815 878 1046"> <p>Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao</p> <p>Chi tiết: Sản xuất bê tông thương phẩm; Sản xuất gạch xi măng cốt liệu.</p> </td> <td data-bbox="878 815 1003 1046">2395</td> </tr> <tr> <td data-bbox="224 1046 295 1390">5</td> <td data-bbox="295 1046 878 1390"> <p>Xây dựng nhà các loại</p> <p>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng. Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư, trung tâm thương mại, nhà hàng, cao ốc, văn phòng cho thuê.</p> </td> <td data-bbox="878 1046 1003 1390">4100</td> </tr> <tr> <td data-bbox="224 1390 295 1471"></td> <td data-bbox="295 1390 878 1471"></td> <td data-bbox="878 1390 1003 1471"></td> </tr> </tbody> </table>	Stt	Tên ngành	Mã ngành	4	<p>Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao</p> <p>Chi tiết: Sản xuất bê tông thương phẩm; Sản xuất gạch xi măng cốt liệu.</p>	2395	5	<p>Xây dựng nhà các loại</p> <p>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng. Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư, trung tâm thương mại, nhà hàng, cao ốc, văn phòng cho thuê.</p>	4100				<p><b>Phụ lục 01/PLĐL: Ngành nghề kinh doanh</b></p> <table border="1" data-bbox="1030 715 1888 1417"> <thead> <tr> <th data-bbox="1030 715 1102 834">Stt</th> <th data-bbox="1102 715 1751 834">Tên ngành</th> <th data-bbox="1751 715 1888 834">Mã ngành</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="1030 834 1102 1066">4</td> <td data-bbox="1102 834 1751 1066"> <p>Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao</p> <p>Chi tiết: Sản xuất bê tông thương phẩm, Sản xuất gạch xi măng cốt liệu.</p> </td> <td data-bbox="1751 834 1888 1066">2395</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1030 1066 1102 1265">5</td> <td data-bbox="1102 1066 1751 1265"> <p>Xây dựng nhà để ở</p> <p>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, đầu tư xây dựng khu dân cư, nhà hàng, cao ốc, văn phòng cho thuê</p> </td> <td data-bbox="1751 1066 1888 1265">4101</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1030 1265 1102 1417"></td> <td data-bbox="1102 1265 1751 1417"> <p>Xây dựng nhà không để ở</p> <p>Chi tiết: Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, trung tâm thương mại</p> </td> <td data-bbox="1751 1265 1888 1417">4102</td> </tr> </tbody> </table>	Stt	Tên ngành	Mã ngành	4	<p>Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao</p> <p>Chi tiết: Sản xuất bê tông thương phẩm, Sản xuất gạch xi măng cốt liệu.</p>	2395	5	<p>Xây dựng nhà để ở</p> <p>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, đầu tư xây dựng khu dân cư, nhà hàng, cao ốc, văn phòng cho thuê</p>	4101		<p>Xây dựng nhà không để ở</p> <p>Chi tiết: Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, trung tâm thương mại</p>	4102	<p>Thay đổi theo Giấy xác nhận việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số: 23796/21 ngày 17/05/2021.</p>
Stt	Tên ngành	Mã ngành																									
4	<p>Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao</p> <p>Chi tiết: Sản xuất bê tông thương phẩm; Sản xuất gạch xi măng cốt liệu.</p>	2395																									
5	<p>Xây dựng nhà các loại</p> <p>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng. Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư, trung tâm thương mại, nhà hàng, cao ốc, văn phòng cho thuê.</p>	4100																									
Stt	Tên ngành	Mã ngành																									
4	<p>Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao</p> <p>Chi tiết: Sản xuất bê tông thương phẩm, Sản xuất gạch xi măng cốt liệu.</p>	2395																									
5	<p>Xây dựng nhà để ở</p> <p>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, đầu tư xây dựng khu dân cư, nhà hàng, cao ốc, văn phòng cho thuê</p>	4101																									
	<p>Xây dựng nhà không để ở</p> <p>Chi tiết: Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, trung tâm thương mại</p>	4102																									

TT	NỘI DUNG CŨ ĐANG ÁP DỤNG		NỘI DUNG SỬA ĐỔI			LÝ DO		
	6	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi. Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện.	4210		Xây dựng công trình điện Chi tiết: Đầu tư Xây dựng nhà máy thủy điện.	4221		
	7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp. Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.	4290		Xây dựng công trình thủy Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi	4291		
					Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp. Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.	4299		